

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI**

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 20

## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	1 – 3
<b>BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ</b>	4
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT</b>	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 – 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 – 71

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI  
Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016.

**1. Thông tin chung**

Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần - số 3600662561 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2004, đã đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 07 tháng 04 năm 2016.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600662561 được sửa đổi lần thứ 12 ngày 07 tháng 04 năm 2016, Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ

Trụ sở chính: Đường số 9, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Vốn điều lệ của Công ty là: 135.071.410.000 đồng (Một trăm ba mươi lăm tỷ không trăm bảy mươi một triệu bốn trăm mười nghìn đồng).

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600662561 được sửa đổi lần thứ 11 ngày 24 tháng 11 năm 2015, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất ống nhựa, phụ kiện và các sản phẩm nhựa;
- Sản xuất diêm quẹt;
- Sản xuất sản phẩm may mặc xuất khẩu;
- Sản xuất vật liệu xây dựng công nghệ mới;
- Xây dựng nhà lắp ghép, xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình điện;
- Xây dựng công trình thủy lợi;
- Bán buôn vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất của doanh nghiệp;
- Xây dựng công trình công nghiệp;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Xây dựng công trình nước, cấp thoát nước;
- San lấp mặt bằng;
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa;
- Dịch vụ du lịch;
- Đại lý bưu điện.

**2. Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Vũ Đình Độ	Chủ tịch HĐQT		
Ông Trần Hữu Chuyên	Phó Chủ tịch		
Ông Nguyễn Lưu Thụy	Thành viên		19/03/2016
Ông Trần Anh Vương	Thành viên	19/03/2016	
Ông Ngô Đức Vũ	Thành viên		
Ông Phạm Huy Cường	Thành viên		

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI  
Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Ngô Đức Vũ	Tổng Giám Đốc		
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Phó Tổng Giám đốc		
Ông Nguyễn Kim Nguyên	Phó Tổng Giám đốc		18/03/2016
Bà Nguyễn Thị Huyền	Phó Tổng Giám đốc		18/03/2016

**Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Mai Hữu Đạt	Trưởng ban		
Ông Phùng Quang Việt	Thành viên		
Ông Trịnh Kiên	Thành viên		

**Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Vũ Đình Độ	Chủ tịch HĐQT

Ông Vũ Đình Độ đã ủy quyền cho Ông Ngô Đức Vũ ký Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016 theo Giấy bổ nhiệm số 04/NQ-NDN ngày 06 tháng 04 năm 2015

**3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

**4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

**5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Phía Bắc được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Công ty.

**6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

---

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**7. Phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



**Ngô Đức Vũ**  
**Tổng Giám đốc**

Đồng Nai, ngày 15 tháng 08 năm 2016

Số: 051/2016/BCTC-AFCMB

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai (sau đây gọi là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 08 năm 2016, từ trang 05 đến trang 71, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa hợp nhất niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai tại ngày 30/06/2016, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



**ÔNG THẾ ĐỨC**

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0855-2016-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

– CHI NHÁNH PHÍA BẮC

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa I, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ngày 30 tháng 06 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>755.897.560.346</b>	<b>491.185.605.860</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>66.275.325.042</b>	<b>117.919.781.424</b>
Tiền	111		33.780.777.423	98.886.448.090
Các khoản tương đương tiền	112		32.494.547.619	19.033.333.334
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.2</b>	<b>50.478.000.000</b>	<b>20.468.270.709</b>
Chứng khoán kinh doanh	121		1.399.000.000	6.000.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(76.000.000)	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		49.155.000.000	14.468.270.709
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>365.409.036.083</b>	<b>238.557.989.404</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	306.023.688.995	202.305.779.589
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	73.807.152.019	45.328.204.340
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	610.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6.1	18.669.719.328	14.246.391.980
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(33.737.733.048)	(23.358.595.294)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		36.208.789	36.208.789
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.8</b>	<b>249.564.535.043</b>	<b>110.515.788.914</b>
Hàng tồn kho	141		251.970.663.752	112.862.588.827
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.406.128.709)	(2.346.799.913)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>24.170.664.178</b>	<b>3.723.775.409</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9.1	5.353.763.112	429.531.754
Thuế GTGT được khấu trừ	152		18.226.128.846	2.360.796.368
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		590.772.220	933.447.287
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa I, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ngày 30 tháng 06 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>420.480.706.429</b>	<b>225.639.858.642</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>12.700.124.155</b>	<b>3.554.542.402</b>
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	5.6.2	12.700.124.155	3.554.542.402
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>253.465.214.686</b>	<b>135.181.964.110</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	171.696.421.609	110.290.986.601
Nguyên giá	222		415.444.819.446	240.129.998.317
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(243.748.397.837)	(129.839.011.716)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.11	71.929.020.322	20.880.956.842
Nguyên giá	225		105.594.005.970	24.784.924.148
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(33.664.985.648)	(3.903.967.306)
Tài sản cố định vô hình	227	5.12	9.839.772.755	4.010.020.667
Nguyên giá	228		11.478.409.309	4.125.064.091
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.638.636.554)	(115.043.424)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>5.13</b>	<b>28.145.813.554</b>	<b>11.148.162.572</b>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		28.145.813.554	11.148.162.572
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.2</b>	<b>37.859.499.403</b>	<b>46.437.662.000</b>
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		29.728.899.403	28.207.062.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5.130.600.000	15.230.600.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		3.000.000.000	3.000.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>88.310.054.631</b>	<b>29.317.527.558</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9.2	5.590.700.090	5.880.274.423
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.14	2.014.517.643	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
Lợi thế thương mại	269	5.15	80.704.836.898	23.437.253.135
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.176.378.266.775</b>	<b>716.825.464.502</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa I, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ngày 30 tháng 06 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>830.049.596.846</b>	<b>450.841.272.946</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>631.793.133.632</b>	<b>425.964.421.940</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.15	29.942.670.544	22.991.638.166
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.16	13.786.650.558	7.862.756.725
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.17	11.817.468.777	2.904.062.886
Phải trả người lao động	314		9.736.353.378	5.797.540.068
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.18	6.068.024.186	1.652.088.315
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.19.1	2.818.328.927	3.632.406.030
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.20.1	553.242.548.793	377.029.470.505
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		753.899.710	753.899.710
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		3.627.188.759	3.340.559.535
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>198.256.463.214</b>	<b>24.876.851.006</b>
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337	5.19.2	1.830.801.735	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.20.2	194.227.559.527	24.876.851.006
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	5.21	990.800.435	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342	5.22	1.207.301.517	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa I, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ngày 30 tháng 06 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>346.328.669.929</b>	<b>265.984.191.556</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.23	<b>346.328.669.929</b>	<b>265.984.191.556</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		135.071.410.000	135.071.410.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		135.071.410.000	135.071.410.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		16.905.000.000	16.905.000.000
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		11.782.176.721	11.782.176.721
Cổ phiếu quỹ	415		(342.000)	(342.000)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		27.056.774.635	25.035.999.802
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		82.496.419.957	40.291.857.999
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>	421a		38.260.446.756	270.562.588
<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>	421b		44.235.973.201	40.021.295.411
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		73.017.230.616	36.898.089.034
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.176.378.266.775</b>	<b>716.825.464.502</b>



LAI DUNG HẠNH  
Người lập biểu



HOÀNG ANH TUẤN  
Kế toán trưởng



NGÔ ĐỨC VŨ  
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 15 tháng 08 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa I, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	6 tháng năm 2016 VND	6 tháng năm 2015 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	6.1	<b>693.015.717.881</b>	<b>387.989.510.824</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	1.247.137.112	672.831.987
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>		<b>691.768.580.769</b>	<b>387.316.678.837</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	6.3	<b>537.157.160.467</b>	<b>314.401.525.578</b>
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>154.611.420.302</b>	<b>72.915.153.259</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	3.872.467.037	479.699.274
Chi phí tài chính	22	6.5	24.124.480.191	14.033.646.167
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>22.423.825.104</i>	<i>9.540.496.201</i>
Lợi nhuận (lỗ) từ đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	24	6.6	(1.863.692.031)	-
Chi phí bán hàng	25	6.7	21.453.703.208	9.602.181.846
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.8	53.355.772.172	20.612.230.017
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>57.686.239.737</b>	<b>29.146.794.503</b>
Thu nhập khác	31	6.9	8.533.999.263	510.817.930
Chi phí khác	32	6.10	864.485.538	312.739.935
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>7.669.513.725</b>	<b>198.077.995</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>65.355.753.462</b>	<b>29.344.872.498</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.11	13.466.376.488	4.574.518.593
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	6.12	(1.662.998.068)	92.100.643
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>53.552.375.042</b>	<b>24.678.253.262</b>
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		9.316.401.841	4.084.217.218
<b>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ</b>	<b>62</b>		<b>44.235.973.201</b>	<b>20.594.036.044</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.13	3.275	3.035
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.14	2.339	2.616

**LẠI DUNG HẠNH**  
Người lập biểu

**HOÀNG ANH TUẤN**  
Kế toán trưởng



**NGÔ ĐỨC VŨ**  
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 15 tháng 08 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa I, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

	Mã số	6 tháng năm 2016 VND	6 tháng năm 2015 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	65.355.753.462	29.344.872.498
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	33.418.785.314	11.829.718.255
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	10.395.651.924	3.264.168.410
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.255.610	3.264.868.192
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.679.843.247)	550.504.505
Chi phí lãi vay	06	22.444.730.821	9.540.496.201
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
<b>Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>125.936.333.884</b>	<b>57.794.628.061</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(14.592.382.569)	2.388.388.930
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(75.053.005.553)	(4.036.833.132)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	(53.744.406.937)	(4.116.931.307)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(3.616.824.314)	(93.545.968)
(Tăng)/ giảm chứng khoán kinh doanh	13	5.651.000.000	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(22.354.549.278)	(8.576.309.146)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(7.803.020.702)	(2.986.130.945)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(2.547.909.375)	(1.259.784.611)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(48.124.764.844)</b>	<b>39.113.481.882</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(47.213.128.608)	(8.366.801.157)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	11.994.519.800	-
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(38.246.001.945)	(915.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(94.375.261.352)	(40.958.710.778)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	3.480.829.150	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	403.650.400	97.644.240
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(163.955.392.555)</b>	<b>(50.142.867.695)</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa I, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

	Mã số	6 tháng năm 2016	6 tháng năm 2015
		VND	VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	863.372.844.598	371.264.404.935
Tiền trả nợ gốc vay	34	(689.748.765.446)	(349.967.498.015)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	(10.958.063.125)	(5.157.319.431)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.229.059.400)	(1.795.950.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>160.436.956.627</b>	<b>14.343.637.489</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>			
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ</b>	<b>50</b>	<b>(51.643.200.772)</b>	<b>3.314.251.676</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(1.255.610)	(318.048)
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>	<b>70</b>	<b>66.275.325.042</b>	<b>12.023.691.473</b>

LAI DUNG HẠNH  
Người lập biểu

HOÀNG ANH TUẤN  
Kế toán trưởng



NGÔ ĐỨC VŨ

Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 15 tháng 08 năm 2016

## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần - số 3600662561 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2004, đã đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 07 tháng 04 năm 2016.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600662561 được sửa đổi lần thứ 12 ngày 07 tháng 04 năm 2016, Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ.

Trụ sở chính: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty là: 135.071.410.000 đồng (Một trăm ba mươi lăm tỷ không trăm bảy mươi mốt triệu bốn trăm mười nghìn đồng)

### 1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty sản xuất các loại ống, phụ kiện ngành nước và bao bì nilon xuất khẩu.

### 1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600662561 được sửa đổi lần thứ 12 ngày 07 tháng 04 năm 2016, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất ống nhựa, phụ kiện và các sản phẩm nhựa;
- In ấn (trừ in tráng bao bì kim loại và in trên sản phẩm vải, sợi dệt, may đan);
- Dịch vụ liên quan đến in
- Buôn bán máy móc thiết bị ngành in;
- Sản xuất diêm quẹt
- Sản xuất sản phẩm may mặc, xuất khẩu
- Sản xuất vật liệu xây dựng công nghệ mới;
- Xây dựng nhà lắp ghép, xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình điện;
- Xây dựng công trình thủy lợi;
- Bán buôn vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất của doanh nghiệp;
- Xây dựng công trình công nghiệp;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Xây dựng công trình nước, cấp thoát nước;
- San lấp mặt bằng;
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa; Dịch vụ du lịch; Đại lý bưu điện.

### 1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

### 1.5 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong kỳ kế toán, Công ty đã mua chi phối Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú với tỷ lệ sở hữu vốn là 66,78%, đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 ngày 19/3/2016.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 04/2016/NQ-DNP ngày 22/03/2016, Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai thực hiện góp vốn đầu tư thành lập Công ty con – Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng nước DNP – Tiền Giang với vốn điều lệ 21 tỷ đồng trong đó DNP sở hữu 70% vốn. Công ty CP Đầu tư hạ tầng nước DNP – Tiền Giang có trụ sở chính tại Tiền Giang được thành lập để thực hiện đầu tư xây dựng Nhà máy nước mặt tại huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang với tổng công suất 30.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm để cung cấp nước sạch dân sinh thuộc địa bàn các huyện Cai Lậy, Cái Bè và thị xã Cai Lậy. Đến ngày 30/06/2016, Công ty CP Nhựa Đồng Nai đã góp vốn 100.000.000 đồng.

**1.6 Cấu trúc của Công ty****Các chi nhánh:**

<i>Tên chi nhánh</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Hạch toán kế toán</i>
Chi nhánh Công ty CP Nhựa Đồng Nai tại Hà Nội	Tầng 10 – Toàn nhà IITP – 434 Trần Khát Trân – Hai Bà Trưng – Hà Nội	Hạch toán độc lập
Chi nhánh Công ty CP Nhựa Đồng Nai tại Tp. Hồ Chí Minh (*)	Số 198 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 22 – Quận Bình Thạnh – Tp. Hồ Chí Minh	Hạch toán độc lập

(\*) Theo nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐQT ngày 27/06/2016 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai, Công ty đang làm thủ tục giải thể Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh do không hoạt động trong thời gian qua

**Các Công ty con**

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động kinh doanh chính</i>	<i>Tỷ lệ vốn góp</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>
Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai Miền Trung	Lô 06 – KCN Điện Nam – Điện Ngọc – Huyện Điện Bàn – Tỉnh Quảng Nam	Sản xuất và kinh doanh ống nước	99,33%	99,33%	99,33%
Công ty Cổ phần Bình Hiệp	A6 – A7 KDC Kênh Bàu – Thành phố Phan Thiết – Tỉnh Bình Thuận	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	53,7%	53,7%	53,7%
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP – Long An	Áp 7 - Xã Nhị Thành – Huyện Thủ Thừa – Tỉnh Long An	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	65%	65%	65%
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú	314 Lũy Bán Bích, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Sản xuất & kinh doanh nhựa công nghiệp	66,87%	66,87%	66,87%
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP – Tiền Giang	Số 1 – Đường Ngô Quyền – Tp Mỹ Tho – Tỉnh Tiền Giang	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	70%	70%	70%

## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

### Các Công ty liên doanh liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào	Đường số 9, bản Huội San, huyện Xê Pôn, tỉnh Savannakhet, Lào	Sản xuất và kinh doanh nhựa các loại	43,42%	43,42%	43,42%

Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào là Công ty liên kết của Công ty CP Nhựa Tân Phú – Công ty con của Công ty CP Nhựa Đồng Nai.

## 2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty thực hiện hợp nhất Báo cáo tài chính căn cứ hướng dẫn tại Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

### 3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

# **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

---

## **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

#### **Các công ty con**

Các công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

#### **Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty con được lập đến ngày 30/06/2016.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Công ty mẹ trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này giữa Công ty mẹ và Công ty con được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

### **4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá hạch toán được quy định căn cứ trên tỷ giá của Ngân hàng thực hiện giao dịch thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá bình quân mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ bình quân của các ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ bình quân của các Ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

### 4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 4.4 Các khoản đầu tư tài chính

#### Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

### Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

### Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

#### *Công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tài sản và công nợ của các Công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trên bảng cân đối kế toán theo phương pháp giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư.

#### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhận với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## 4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo qui định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát khác.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Không có chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

##### *Chi phí sửa chữa tài sản cố định*

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

##### *Chi phí khác*

Chi phí khác là các khoản chi phí mua bảo hiểm xe ô tô, bảo hiểm tai nạn cho người lao động. Các khoản chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tương ứng đối với từng khoản chi phí.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

**4.8 Tài sản thuê hoạt động**

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

**4.9 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	04 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

**4.10 Tài sản cố định thuê tài chính**

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	04 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

**4.11 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan

## **CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

# **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao như sau:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (48 năm), quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

### ***Chương trình phần mềm***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

#### **4.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### **4.13 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ

## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

### 4.14 Trái phiếu thường

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu thường phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.

Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

### 4.15 Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các chủ sở hữu.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### *Vốn khác của chủ sở hữu*

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

#### *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

### 4.16 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 4.17 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

##### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### 4.18 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.



## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### 4.19 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Chính sách thuế theo những điều kiện quy định cho công ty năm hiện hành như sau:

- Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai được hưởng ưu đãi đối với thu nhập từ đầu tư mở rộng trong năm 2010. Công ty chịu thuế suất hiện hành và miễn thuế 02 năm, giảm 50% trong 4 năm tiếp tính cho thời gian còn lại từ năm 2015 theo hướng dẫn tại điều 13 thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015. Năm 2016 là năm cuối cùng Công ty được hưởng ưu đãi thuế TNDN.
- Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai Miền Trung được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi 15% trong thời hạn 12 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh. Năm 2006 là năm đầu tiên Công ty hoạt động kinh doanh có thu nhập chịu thuế.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú tại Long An được miễn thuế 2 năm (năm 2012, 2013) và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo (năm 2014 đến năm 2017), nhưng Chi nhánh chỉ được hưởng ưu đãi nêu trên cho thời gian ưu đãi còn lại kể từ kỳ tính thuế năm 2015 theo Công văn số 2579/CT\_TTHT ngày 21/12/2015 của Cục thuế tỉnh Long An về việc ưu đãi thuế Thu nhập doanh nghiệp.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

#### 4.20 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### 4.21 Công cụ tài chính

##### Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

đòi dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

**Công cụ vốn chủ sở hữu**

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

**4.22 Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty	Quan hệ
Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai	Công ty mẹ
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào	Công ty liên doanh

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	4.448.214.614	5.678.357.535
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	29.332.562.809	93.208.090.555
Các khoản tương đương tiền	32.494.547.619	19.033.333.334
	<b>66.275.325.042</b>	<b>117.919.781.424</b>

Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 30 tháng 06 năm 2016:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - USD	204.973,46	6.083.617.618
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - EUR	364,14	8.717.263
		<b>6.092.334.881</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI**  
 Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	6 tháng 2016 VND	Năm 2015 VND
Tại ngày đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng bổ sung	(200.000.000)	
Tăng do hợp nhất Nhựa Tân Phú	124.000.000	
Hoàn nhập dự phòng do bán bớt	(76.000.000)	
Tại ngày cuối kỳ	-	-

**5.2.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
<b>Ngắn hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn	14.155.000.000	14.155.000.000	14.468.270.709	14.468.270.709
Trái phiếu	25.500.000.000	25.500.000.000		
Các khoản đầu tư khác	9.500.000.000	9.500.000.000		
<b>Dài hạn</b>				
Các khoản đầu tư khác	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
	<b>52.155.000.000</b>	<b>52.155.000.000</b>	<b>17.468.270.709</b>	<b>17.468.270.709</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI**  
 Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

**5.2.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>				
Công ty TNHH XNK Nhựa Việt Lào	1.521.837.403	-	1.521.837.403	
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Thuận	28.207.062.000	-	28.207.062.000	28.207.062.000
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>				
Tổng Công ty Đầu tư Nước và môi trường Việt Nam - CTCP	5.130.600.000	-	5.130.600.000	5.130.600.000
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng nước DNP - Long An (2)			10.100.000.000	10.100.000.000
	<b>34.859.499.403</b>	<b>-</b>	<b>34.859.499.403</b>	<b>-</b>
			<b>43.437.662.000</b>	<b>43.437.662.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Thông tin bổ sung cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết.

	30/06/2016		01/01/2016			
	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty TNHH XNK Nhựa Việt Lào		43,42%	43,42%		43,42%	43,42%
Tổng Công ty Đầu tư Nước và môi trường Việt Nam - CTCP	503.000	0,87%	0,87%	503.000	0,87%	0,87%
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Thuận	2.089.412	24,70%	24,70%	2.089.412	24,70%	24,70%

<1> Căn cứ nghị quyết số 38/NQ-HĐQT-NTP của Hội đồng quản trị Công ty, Công ty CP Nhựa Tân Phú đã thực hiện thoái toàn bộ vốn tại Công ty CP Tân Phú Sài Gòn với giá bán bằng mệnh giá 10.000 đồng/cp. Các cá nhân mua lại phân vốn của Công ty tại Công ty CP Tân Phú Sài Gòn đã thanh toán toàn bộ trong tháng 5 và tháng 6/2016.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

**Tình hình hoạt động của các công ty liên kết**

Trình bày tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết trong kỳ.

Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào hiện đang kinh doanh khó khăn. Việc tiếp tục hoạt động của Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào tùy thuộc vào việc bổ sung vốn của các thành viên góp vốn và định hướng kinh doanh trong thời gian tới.

**Giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết**

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	6 tháng năm 2016 VND	6 tháng năm 2015 VND
Công ty Cổ phần Tân Phú Sài Gòn		
<i>Bán thành phẩm và vật tư</i>	24.293.552.380	7.909.121.471
<i>Mua nguyên vật liệu, hàng hóa</i>	6.259.523.806	15.417.352.028
<i>Nhận cổ tức bằng tiền mặt</i>	201.250.000	
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào		
<i>Mua nguyên vật liệu, hàng hóa</i>	1.541.296.067	1.181.603.367
<i>Vay vốn</i>	350.000.000	
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Thuận		
<i>Bán nước thô</i>	24.293.552.380	21.689.391.428



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

**5.3 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khách hàng****5.3.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<b>30/06/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
	VND	VND
<i><b>Phải thu các bên liên quan</b></i>		
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào	3.311.787.080	
<i><b>Phải thu các khách hàng khác</b></i>		
<i><b>Tại Công ty CP Nhựa Đồng Nai</b></i>		
Công ty CP Xây dựng số 5	21.401.610.384	21.401.610.384
Công ty TNHH MTV Cấp nước Tiền Giang	22.228.333.892	11.156.080.299
Các khách hàng khác	166.047.637.999	145.502.687.921
<i><b>Tại Công ty CP Nhựa Đồng Nai - Miền Trung</b></i>		
Công Ty TNHH 27/7 Tiền Phong	1.126.074.082	1.366.074.082
Cty TNHH MTV Ngô Trần Gia	5.448.129.165	603.425.733
Cty TNHH MTV Cấp Nước & XD Quảng Trị	1.140.109.675	265.126.400
Công Ty TNHH Châu Cầu	987.803.146	516.024.735
Công ty xây dựng và cấp thoát nước Quảng	1.335.583.675	1.735.583.675
Các khoản phải thu khách hàng khác	10.475.303.753	19.748.092.993
<i><b>Tại Công ty CP Bình Hiệp</b></i>		
Phải thu tiền nước Kê Gà	48.625.867	11.073.367
<i><b>Tại Công ty CP Nhựa Tân Phú</b></i>		
Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam	8.796.747.875	
Công ty TNHH ARYSTA LIFESCIENCE Việt Nam	3.693.756.675	
Công ty TNHH Lavie	3.098.396.180	
Công ty TNHH Á Mỹ Gia	3.659.177.182	
Công ty TNHH Nestlé Việt Nam	2.662.974.451	
Công ty CP Đồ uống cao cấp Thái Lan	4.903.064.408	
Các khách hàng khác	45.658.573.506	
	<b>306.023.688.995</b>	<b>202.305.779.589</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

**5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn, dài hạn****5.4.1 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b><i>Trả trước cho các bên liên quan</i></b>		
Công ty XNK Nhựa Việt - Lào	927.440.634	
<b><i>Trả trước cho người bán khác</i></b>		
<b><i>Tại Công ty CP Nhựa Đồng Nai</i></b>		
Công ty CP Môi trường Thuận Thành	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Thương mại dịch vụ và môi trường Ngôi sao xanh	740.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại và Tư vấn An Khang	28.854.794.500	15.000.000.000
New Quantum Holdings PTE LTD	361.075.523	4.306.733.692
Các nhà cung cấp khác	13.008.683.456	8.111.919.656
<b><i>Tại Công ty CP Nhựa Đồng Nai - Miền Trung</i></b>		
Công ty TNHH Đầu tư - Xây dựng - Thương mại Đức Dũng	6.568.000.000	1.250.000.000
Các nhà cung cấp khác	275.518.363	36.880.582
<b><i>Tại Công ty CP Bình Hiệp</i></b>		
Các nhà cung cấp khác	643.184.500	1.622.670.410
<b><i>Tại Công ty CP Nhựa Tân Phú</i></b>		
Chunghsin Industry Group Co., ltd	1.956.610.541	
Taizhou Huiyuan Mould Co., ltd	1.607.628.000	
Pass Card Co.,ltd	1.354.505.900	
Flying Tiger KJ Co.,ltd	1.658.624.333	
Các nhà cung cấp khác	5.851.086.269	
	<b>73.807.152.019</b>	<b>45.328.204.340</b>

**5.5 Phải thu về cho vay ngắn hạn, dài hạn****5.5.1 Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b><i>Phải thu các bên liên quan</i></b>		
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào <1>	610.000.000	
	<b>610.000.000</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

- <1> Khoản cho Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào vay gồm 02 hợp đồng:
- Hợp đồng vay vốn số 36/2014/HĐVV ngày 02/10/2014 và phụ lục hợp đồng số 01/2014/PL-HĐVV ngày 01/11/2014 với lãi suất vay 12%/năm trong 06 tháng kể từ ngày 02/10/2014. Tại thời điểm 30/06/2016, số dư khoản cho vay này là 260.000.000 đồng.
  - Hợp đồng vay vốn số 01/2016/HĐVV ngày 01/05/2016 với lãi suất vay 8%/năm trong 06 tháng. Tại thời điểm 30/06/2016, số dư khoản cho vay này là 350.000.000 đồng.

**5.6 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác****5.6.1 Phải thu ngắn hạn khác**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Phải thu các bên liên quan</i>				
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào - Lãi cho vay vốn	152.404.445	(152.404.445)		
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào - Tạm ứng góp vốn	1.637.500.000	(1.637.500.000)		
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Tiền lãi cho vay	392.887.995		257.125.426	
Tạm ứng	7.439.328.170		12.389.898.857	
Ký cược, ký quỹ	5.887.272.654		178.000.000	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	3.160.326.064		1.421.367.697	
	<b>18.669.719.328</b>	<b>(1.789.904.445)</b>	<b>14.246.391.980</b>	<b>-</b>

Căn cứ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và khả năng thanh toán của Công ty TNHH Xuất nhập khẩu nhựa Việt Lào, Công ty CP Nhựa Tân Phú trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với khoản tạm ứng vốn và lãi cho vay vốn với tỷ lệ trích lập là 100%.

**5.6.2 Phải thu dài hạn khác**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Thuế GTGT tài sản cố định thuê tài chính	4.560.733.655			
Ký cược, ký quỹ	7.358.239.427		3.554.542.402	
Các khoản phải thu dài hạn khác	781.151.073			
	<b>12.700.124.155</b>	<b>-</b>	<b>3.554.542.402</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

**5.7 Nợ xấu**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
<b>Các tổ chức và cá nhân khác</b>				
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV				
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>	3.238.237.572	-	3.238.237.572	-
Công ty CP Xây dựng số 5				
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>	21.401.610.384	11.486.169.825	17.561.995.539	8.780.997.769
Công ty TNHH MTV Công trình giao thông công chánh				
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>	7.120.844.766	2.136.253.430		
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào				
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>	3.311.787.080	-		-
<i>Phải thu tiền cho vay vốn</i>	610.000.000	-		-
<i>Phải thu tiền lãi vay</i>	152.404.445	-		-
<i>Phải thu tạm ứng góp vốn</i>	1.637.500.000	-		-
<i>Trả trước người bán</i>	927.440.634	-		-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	18.337.549.113	9.377.217.691	17.849.281.016	6.509.921.064
	<b>56.737.373.994</b>	<b>22.999.640.946</b>	<b>38.649.514.127</b>	<b>15.290.918.833</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu, cho vay khó đòi như sau:

	Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn	Nợ phải thu, cho vay dài hạn	Cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2016	(23.358.595.294)		(23.358.595.294)
Trích lập dự phòng bổ sung	(10.214.428.819)		(10.214.428.819)
Tăng do mua Tân Phú	(164.708.935)		
Tại ngày 30/06/2016	<b>(33.737.733.048)</b>	-	<b>(33.737.733.048)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

**5.8 Hàng tồn kho**

		30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
	VND	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	6.480.000		6.621.151		
Nguyên liệu, vật liệu	164.785.139.714	(35.017.997)	62.745.026.234		
Công cụ, dụng cụ	2.795.387.912		-		
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	9.009.246.134	(2.346.799.913)	6.321.941.678	(2.346.799.913)	
Thành phẩm	49.728.837.794	(24.310.799)	29.561.882.533		
Hàng hóa	11.569.503.925		9.799.795.545		
Hàng gửi đi bán	14.076.068.273		4.427.321.686		
	<b>251.970.663.752</b>	<b>(2.406.128.709)</b>	<b>112.862.588.827</b>	<b>(2.346.799.913)</b>	

**5.9 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn****5.9.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ	3.315.094.386	
Khoản ứng trước các hợp đồng thuê tài chính	1.263.291.755	
Các khoản khác	775.376.971	429.531.754
	<b>5.353.763.112</b>	<b>429.531.754</b>

**5.9.2 Chi phí trả trước dài hạn**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ	2.058.822.234	1.806.034.638
Chi phí phát hành trái phiếu	972.222.222	
Chi phí cải tạo sửa chữa lớn	498.494.516	854.135.796
Chi phí di dời mở rộng tuyến ống	367.733.922	376.541.127
Chi phí thổi rửa giếng Kê Gà	135.244.091	180.325.455
Các chi phí trả trước dài hạn khác	1.558.183.105	2.663.237.407
	<b>5.590.700.090</b>	<b>5.880.274.423</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI**  
 Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

**5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

<i>Nguyên giá</i>	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2016	50.936.927.359	146.935.982.744	39.296.591.321	2.960.496.893	240.129.998.317
Mua trong kỳ	-	31.678.344.609	2.854.833.169	-	34.533.177.778
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.047.428.039	-	15.174.447.946	-	17.221.875.985
Tặng do mua Công ty con	44.126.709.437	82.568.907.875	8.342.612.890	433.005.115	135.471.235.317
Tặng khác	59.996.900	472.170.000	-	34.204.000	566.370.900
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	4.666.420.712	-	-	4.666.420.712
Giảm do thanh lý	-	(14.016.671.714)	-	-	(14.016.671.714)
Giảm do thoái vốn Công ty con	(6.093.204)	(2.747.579.100)	(339.711.545)	-	(3.087.290.645)
Giảm khác	-	(34.204.000)	-	-	(40.297.204)
Tại ngày 30/06/2016	97.164.968.531	249.523.371.126	65.328.773.781	3.427.706.008	415.444.819.446
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Tại ngày 01/01/2016	20.427.514.524	94.800.495.887	12.679.701.189	1.931.300.116	129.839.011.716
Khấu hao trong kỳ	4.338.083.818	12.001.002.908	2.731.901.762	199.691.701	19.270.680.189
Tặng do mua Công ty con	22.871.526.761	72.060.803.396	7.105.052.736	266.717.773	102.304.100.666
Tặng do mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	4.353.069.411	-	-	4.353.069.411
Giảm do thanh lý	-	(10.238.205.914)	-	-	(10.238.205.914)
Giảm do thoái vốn Công ty con	-	(1.545.546.686)	(234.711.545)	-	(1.780.258.231)
Tại ngày 30/06/2016	47.637.125.103	171.431.619.002	22.281.944.142	2.397.709.590	243.748.397.837
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 01/01/2016	30.509.412.835	52.135.486.857	26.616.890.132	1.029.196.777	110.290.986.601
Tại ngày 30/06/2016	49.527.843.428	78.091.752.124	43.046.829.639	1.029.996.418	171.696.421.609

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI**  
 Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

**5.11 Tính hình tăng giảm tài sản cố định thuế tài chính**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 01/01/2016	-	24.784.924.148	-	-	24.784.924.148
Thuế tài chính trong kỳ	-	22.618.712.225	1.209.090.909	-	23.827.803.134
Tăng do mua Công ty con	-	58.599.152.127	3.048.547.273	-	61.647.699.400
Mua lại TSCĐ thuế tài chính	-	(4.666.420.712)	-	-	(4.666.420.712)
Tại ngày 30/06/2016	-	101.336.367.788	4.257.638.182	-	105.594.005.970
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Tại ngày 01/01/2016	-	3.903.967.306	-	-	3.903.967.306
Khấu hao trong kỳ	-	9.245.211.234	406.257.806	-	9.651.469.040
Tăng do mua Công ty con	-	23.510.121.545	952.497.168	-	24.462.618.713
Mua lại TSCĐ thuế tài chính	-	(4.353.069.411)	-	-	(4.353.069.411)
Tại ngày 30/06/2016	-	32.306.230.674	1.358.754.974	-	33.664.985.648
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 01/01/2016	-	20.880.956.842	-	-	20.880.956.842
Tại ngày 30/06/2016	-	69.030.137.114	2.898.883.208	-	71.929.020.322

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

**5.12 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01/01/2016	4.125.064.091		4.125.064.091
Mua trong năm			
Tăng do mua Công ty con	7.011.345.218	342.000.000	7.353.345.218
Tại ngày 31/12/2016	11.136.409.309	342.000.000	11.478.409.309
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 01/01/2016	115.043.424		115.043.424
Khấu hao trong kỳ	101.453.130	10.500.000	111.953.130
Tăng do mua Công ty con	1.088.890.001	322.749.999	1.411.640.000
Tại ngày 31/12/2016	1.305.386.555	333.249.999	1.638.636.554
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2016	4.010.020.667	-	4.010.020.667
Tại ngày 31/12/2016	9.831.022.754	8.750.001	9.839.772.755

**5.13 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	01/01/2016 VND	Chi phí phát sinh trong kỳ VND	Tăng do mua Nhựa Tân Phú VND	Kết chuyển giảm trong kỳ VND	30/06/2016 VND
Mua sắm tài sản cố định	913.034.521			913.034.521	-
Xây dựng cơ bản dở dang	10.235.128.051	10.398.788.722	22.978.684.354	15.466.787.573	28.145.813.554
	<b>11.148.162.572</b>	<b>10.398.788.722</b>	<b>22.978.684.354</b>	<b>15.466.787.573</b>	<b>28.145.813.554</b>

**Chi tiết số dư các công trình xây dựng cơ bản dở dang**

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Máy móc đang lắp đặt	204.148.525	913.034.521
Chi phí đền bù giải tỏa XD HTCN Thuận Quý Kê Gà	143.237.773	143.237.773
Tuyến ống 500 ga Phan Thiết	4.157.000	4.157.000
T/ống 315 HDPE từ NMN Cà Giang về Phan Thiết (6,5 km)		9.441.229.872
T/ống 315 1,4 km nối dài từ QL28 đến đầu Bến Lội		131.710.129
Chi phí đền bù hoa màu VKT T/ống 315 HDPE 6,5 km		127.698.500
Chi phí lãi vay t/ống 315 HDPE 6,5km		351.527.777
Công trình đường công vụ bảo vệ t/ống 500	35.567.000	35.567.000
Dự án nhà xưởng tại Chi nhánh Bắc Ninh	27.184.244.750	
Dự án nhà máy nước DNP - Long An	574.458.506	
	<b>28.145.813.554</b>	<b>11.148.162.572</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

**5.14 Lợi thế thương mại**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Lợi thế thương mại đầu năm	23.437.253.135	65.305.669
Lợi thế thương mại tăng trong năm	61.652.266.718	26.041.392.372
Điều chỉnh giảm		(65.305.669)
Phân bổ lợi thế thương mại	(4.384.682.955)	(2.604.139.237)
<b>Lợi thế thương mại cuối kỳ</b>	<b>80.704.836.898</b>	<b>23.437.253.135</b>

**5.15 Phải trả người bán ngắn hạn, dài hạn****5.15.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b><i>Phải trả các bên liên quan</i></b>		
Công ty CP Tân Phú Sài Gòn	502.570.653	
<b><i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i></b>		
<b><i>Tại Công ty CP Nhựa Đồng Nai</i></b>		
Basell Asia Pacific Ltd	3.192.531.210	-
Công ty TNHH Nhựa & Hóa Chất Phú Mỹ	1.254.000.000	3.753.750.000
Công ty TNHH Bao Bì Giấy Việt Trung	486.148.767	1.020.893.819
Sabici Asia Pacific Pte Ltd	2.839.603.890	22.540
Các nhà cung cấp khác	9.751.199.830	15.203.226.169
<b><i>Tại Công ty CP Nhựa Đồng Nai - Miền Trung</i></b>		
Cty TNHH Thương Mại Và Tư Vấn An Khang	1.914.184.000	
Phải trả khác	507.361.221	780.758.869
<b><i>Tại Công ty CP Bình Hiệp</i></b>		
Công ty khai thác công trình Thủy lợi	2.305.815.120	2.211.965.663
Phải trả đối tượng khác	904.305.550	21.021.106
<b><i>Tại Công ty CP Nhựa Tân Phú</i></b>		
Công ty Cổ Phần Nhựa Việt Nam	1.437.993.921	
Công ty TNHH Khải Tiến	575.306.875	
Các nhà cung cấp khác	4.271.649.507	
	<b>29.942.670.544</b>	<b>22.991.638.166</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

**5.16 Người mua trả tiền trước ngắn hạn, dài hạn****5.16.1 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>		
<i>Tại Công ty CP Nhựa Đồng Nai</i>		
ABENA A/S	-	358.304.380
Công ty CP Túi Nhựa Hà Nội	1.734.322.988	241.403.538
Công Ty TNHH TM&DV Tân Vạn Phú	1.500.000.000	1.500.000.000
Ban Quản Lý Khai Thác Cung Cấp Nước Sinh Hoạt Huyện Châu Thành - Bến Tre	1.434.399.250	994.550.302
Các khách hàng khác	4.188.819.853	4.014.564.560
<i>Tại Công ty CP Nhựa Đồng Nai - Miền Trung</i>		
Các khách hàng khác	905.779.614	158.003.624
<i>Tại Công ty CP Nhựa Tân Phú</i>		
Công Ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính NHTMCP Ngoại Thương VN - Chi Nhánh TP.HCM	2.710.297.245	206.318.475
Trương Thị Tường Trinh	156.900.000	138.200.000
Mai Thị Tường Vi	288.000.000	
Các khách hàng khác	868.131.608	251.411.846
	<u>13.786.650.558</u>	<u>7.862.756.725</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

**5.18 Chi phí phải trả ngắn hạn, dài hạn****5.18.1 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Chi phí hoa hồng môi giới	1.058.092.435	
Chi phí lãi vay phải trả	2.102.838.568	988.454.315
Chi phí vận chuyển	407.093.183	276.282.679
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	2.500.000.000	387.351.321
	<u>6.068.024.186</u>	<u>1.652.088.315</u>

**5.19 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác****5.19.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
Thù lao HĐQT và BKS	97.772.192	
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>		
Kinh phí công đoàn	240.827.288	428.406.588
Bảo hiểm xã hội	388.467.650	318.986.354
Bảo hiểm y tế	71.508.806	45.707.143
Bảo hiểm thất nghiệp	33.752.541	19.933.528
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	49.380.000	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	242.537.340	11.343.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.694.083.110	2.808.029.417
	<u>2.818.328.927</u>	<u>3.632.406.030</u>

**5.19.2 Phải trả dài hạn khác**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Đặt cọc làm khuôn sản xuất	1.678.729.025	
Các khoản phải trả khác	152.072.710	
	<u>1.830.801.735</u>	<u>-</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI**  
 Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

**5.20 Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn, dài hạn**

**5.20.1 Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn**

	30/06/2016		Trong kỳ		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1> Vay ngắn hạn	518.301.156.151	518.301.156.151	825.379.783.618	678.349.274.252	371.270.646.785	371.270.646.785
<i>Tại Công ty CP Nhựa Đồng Nai</i>						
<i>Trần Hữu Chuyển</i>	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN - CN Trương Sơn</i>	67.808.242.730	67.808.242.730	67.808.242.730	-	-	-
<i>Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT Vũ Đình Độ</i>	-	-	29.987.715.486	29.987.715.486	-	-
<i>Ngân hàng SINOPAC - CN TPHCM</i>	-	-	19.969.844.514	19.969.844.514	-	-
<i>Ngân hàng ANZ - CN TPHCM</i>	35.821.239.668	35.821.239.668	35.947.657.959	44.510.099.989	44.383.681.698	44.383.681.698
<i>Ngân hàng Công Thương KCN Biên Hòa</i>	-	-	3.781.537.650	58.837.204.536	55.055.666.886	55.055.666.886
<i>Ngân Hàng TMCP Phát Triển TP.HCM - Chi nhánh Sở giao dịch Đồng Nai</i>	118.428.766.504	118.428.766.504	143.920.951.505	110.242.357.334	84.750.172.333	84.750.172.333
<i>Ngân hàng Standard Chartered - CN TPHCM</i>	26.575.832.000	26.575.832.000	27.425.832.000	850.000.000	-	-
<i>Ngân hàng Vietcombank</i>	18.184.188.313	18.184.188.313	43.224.490.485	62.491.060.543	37.450.758.371	37.450.758.371
<i>Ngân hàng Quốc Tế (VIB) - CN VIB Đồng Nai</i>	27.143.688.435	27.143.688.435	45.427.109.118	52.279.574.711	33.996.154.028	33.996.154.028
<i>Ngân Hàng Phương Đông ( OCB ) - CN Đồng Nai</i>	-	-	-	14.091.797.933	14.091.797.933	14.091.797.933
<i>Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Đồng Nai</i>	81.436.489.362	81.436.489.362	77.184.292.302	60.117.958.156	64.370.155.216	64.370.155.216
<i>Ngân hàng Tiên Phong - CN Đồng Nai</i>	-	-	-	19.793.771.090	19.793.771.090	19.793.771.090

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI**  
 Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

**Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (tiếp)**

	30/06/2016		Trong kỳ		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú	121.192.377.867	VND 121.192.377.867	VND 290.695.194.063	VND 169.502.816.196	VND -	VND -
Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam)	-	-	1.263.116.160	1.263.116.160	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 12	19.760.094.211	VND 19.760.094.211	40.432.176.733	20.672.082.522	-	-
Ngân hàng TMCP Dầu tu và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch 2	-	-	2.044.810.590	2.044.810.590	-	-
Ngân hàng BPCE IOM - CN Tp.HCM	19.339.927.990	VND 19.339.927.990	46.459.253.410	27.119.325.420	-	-
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)	12.640.539.500	VND 12.640.539.500	37.995.108.488	25.354.568.988	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM	52.026.574.475	VND 52.026.574.475	127.665.403.142	75.638.828.667	-	-
Ngân hàng TMCP Quốc Tế VIB CN TPHCM	5.459.107.561	VND 5.459.107.561	14.701.605.032	9.242.497.471	-	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Hồ Chí Minh	11.919.134.130	VND 11.919.134.130	20.046.720.508	8.127.586.378	-	-
Vay cá nhân	47.000.000	VND 47.000.000	87.000.000	40.000.000	-	-
<b>Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai - Miền Trung</b>	<b>21.710.331.272</b>	<b>VND 21.710.331.272</b>	<b>39.006.915.806</b>	<b>22.983.700.078</b>	<b>5.687.115.544</b>	<b>5.687.115.544</b>
Ngân hàng NN&PTNT - CN Điện Ngọc	6.710.331.272	VND 6.710.331.272	10.110.331.272	3.400.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Điện Ngọc	-	-	1.044.967.534	2.032.083.078	987.115.544	987.115.544
Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam - CN Điện Ngọc	15.000.000.000	VND 15.000.000.000	27.851.617.000	17.551.617.000	4.700.000.000	4.700.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI**  
 Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

**Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (tiếp)**

	30/06/2016			01/01/2016		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
2> Vay dài hạn đến hạn trả	34.941.392.643	34.941.392.643	45.145.590.196	15.963.021.273	5.758.823.720	5.758.823.720
Công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai	8.626.367.917	8.626.367.917	7.655.849.560	4.788.305.363	5.758.823.720	5.758.823.720
Ngân hàng Tiên Phong (TPB) - CN Đồng Nai	101.919.996	101.919.996	50.959.998	50.959.998	101.919.996	101.919.996
Ngân hàng TMCP Quân Đội - SGD 2	934.692.000	934.692.000	467.346.000	467.346.000	934.692.000	934.692.000
Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	572.354.716	572.354.716	293.933.584	278.421.132	556.842.264	556.842.264
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Chaitlease	1.824.310.985	1.824.310.985	836.655.273	1.020.320.188	2.007.975.900	2.007.975.900
Công ty TNHH cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	5.193.090.220	5.193.090.220	6.006.954.703	2.971.238.045	2.157.393.560	2.157.393.560
Công ty cổ phần Nhựa Tân Phú	26.315.024.726	26.315.024.726	37.489.740.636	11.174.715.910	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 12	5.757.480.000	5.757.480.000	8.636.220.000	2.878.740.000	-	-
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	3.669.486.260	3.669.486.260	5.277.398.410	1.607.912.150	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Tp.HCM	3.088.000.000	3.088.000.000	3.088.000.000	-	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐÔNG NAI**  
 Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

**Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn (tiếp)**

	30/06/2016		Trong kỳ		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính NHTMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Tp.HCM	7.026.019.652	7.026.019.652	9.800.018.090	2.773.998.438	-	-
Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính NHTMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Tp.HCM	161.375.004	161.375.004	242.062.506	80.687.502	-	-
Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV NHTMCP Công Thương Việt Nam - CN Tp.HCM	555.000.000	555.000.000	832.500.000	277.500.000	-	-
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	275.974.800	275.974.800	432.999.626	157.024.826	-	-
Công ty đầu Tư Tài Chính Nhà Nước TP.HCM	-	-	697.188.700	697.188.700	-	-
Công ty TNHH cho thuê Tài Chính Quốc Tế CHAILEASE	5.020.644.210	5.020.644.210	7.341.786.104	2.321.141.894	-	-
Công Ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam	761.044.800	761.044.800	1.141.567.200	380.522.400	-	-
	<b>553.242.548.793</b>	<b>553.242.548.793</b>	<b>870.525.373.814</b>	<b>694.312.295.525</b>	<b>377.029.470.505</b>	<b>377.029.470.505</b>

Công ty không có các khoản vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn đã quá hạn chưa thanh toán



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

***Thông tin chi tiết về các khoản vay ngắn hạn của Công ty CP Nhựa Đồng Nai.*****Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Trường Sơn**

Hợp đồng tín dụng số 63/2016/4589822/HĐTD ngày 18 tháng 03 năm 2016. Hạn mức tín dụng với số dư nợ tối đa là 80.000.000.000 đồng gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng, thời hạn cho vay/thời hạn bảo lãnh/thời hạn L/C được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể/Cam kết bảo lãnh/(L/C) được phát hành. Biện pháp đảm bảo bao gồm (i) Tín chấp, (ii) Hàng tồn kho, khoản phải thu, (iii) Tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng hoặc tiền gửi của các thành viên của Công ty hoặc bên thứ ba, (iv) Bất động sản thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của công ty hoặc của bên thứ ba, (v) Đảm bảo bằng 100% số dư trên tài khoản tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Trường Sơn và các tổ chức tín dụng khác và (vi) Toàn bộ doanh thu từ các nguồn hợp pháp khác của Công ty chuyển về tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Trường Sơn. Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

**Khoản vay ngân hàng Sinopac – CN Thành phố Hồ Chí Minh**

Hợp đồng tín dụng số 151042 ngày 30 tháng 09 năm 2015. Hạn mức tín dụng theo hợp đồng ngắn hạn tùy thuộc vào các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng trị giá đến tổng số tiền vay gốc là 2.000.000 USD hoặc một khoản tương đương bằng đồng tiền tùy chọn. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động, thanh toán các khoản nhập mua nguyên vật liệu. Khoản vay ngắn hạn có thời hạn 12 tháng từ ngày 08 tháng 09 năm 2015. Lãi suất áp dụng cho mỗi khoản tiền ứng được ấn định: (i) Lãi suất áp dụng cho mỗi khoản tiền ứng được giải ngân bằng USD không thấp hơn LIBOR hoặc chi phí vốn của Ngân hàng cộng với 1%/năm, (ii) Lãi suất áp dụng cho mỗi khoản tiền ứng được giải ngân bằng tiền VNĐ không thấp hơn chi phí vốn của Ngân hàng áp dụng cho VNĐ cộng 1%/năm. Biện pháp đảm bảo của hợp đồng: Công ty bằng hợp đồng này cam kết cung cấp cho Ngân hàng biện pháp bảo đảm cho các khoản tiền ứng được thực hiện theo hợp đồng này dưới hình thức, nhưng không giới hạn các tài liệu khác như có thể được Ngân hàng yêu cầu tại bất kỳ thời điểm nào liên quan đến việc ký kết, đăng ký và hoàn tất các tài liệu trên và tiến hành các bước tiếp theo mà Ngân hàng cho là cần thiết để duy trì biện pháp bảo đảm được cung cấp bởi các tài liệu đó.

**Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – KCN Biên Hoà**

Hợp đồng số 01/2015/HMTD-HM/NHCT682-NHUA-ĐN ngày 23/06/2015 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – khu công nghiệp Biên Hoà với công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai. Hạn mức tín dụng là 130.000.000.000 đồng. Thời hạn vay vốn tối đa không quá 06 tháng. Mục đích sử dụng vốn vay của công ty là bổ sung vốn lưu động. Lãi suất cho vay được quy định theo từng giấy nhận nợ mà Ngân hàng gửi cho Công ty. Biện pháp đảm bảo của Hợp đồng là đầy chuyền máy đùn ống HDPE.

**Khoản vay Ngân hàng TMCP Phát triển Tp. Hồ Chí Minh – CN SGD Đồng Nai**

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1405/2015/HĐTDHM-DN/135 ngày 21 tháng 12 năm. Hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương. Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động, phát hành L/C nhập khẩu, bảo lãnh trong nước và chiết khấu BCT phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh các loại ống, phụ kiện ngành nước, bao bì, túi nilon nhựa. Thời hạn cấp hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày 21/12/2015. Biện pháp đảm bảo của Hợp đồng là khoản phải thu tối thiểu và hàng tồn kho tối thiểu tổng trị giá 170.000.000.000đ. Lãi suất áp dụng được quy định cụ thể trong từng KUNN/Hợp đồng cấp tín dụng/Hợp đồng cấp bảo lãnh trên cơ sở LSCV được HDBank ban hành từng thời kỳ và được điều chỉnh theo thông báo của HDBank gửi đến Bên được cấp tín dụng trong suốt thời gian vay thực tế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

**Khoản vay Ngân hàng Standard Chartered – Chi nhánh HCM**

Bản sửa đổi thư cấp HMTD SBFL/042015-383 ngày 10 tháng 04 năm 2015. Tổng khoản tối đa Hạn mức tính dụng sẽ không vượt quá 2.000.000 USD tại bất kỳ thời điểm nào. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động thanh toán các khoản nhập khẩu nguyên vật liệu theo như yêu cầu kinh doanh của công ty với kỳ hạn tối đa 120 ngày. Lãi suất được áp dụng theo chi phí huy động vốn của Ngân hàng cộng biên độ tối thiểu 3%/năm trong đó chi phí huy động vốn áp dụng sẽ được cập nhật và thông báo cho công ty tại từng thời điểm hoặc theo yêu cầu của công ty. Biện pháp đảm bảo của Thư hạn mức tín dụng là các Hợp đồng thế chấp các khoản phải thu, Hợp đồng thế chấp hàng hoá, Hợp đồng cầm cố và bù trừ tài khoản.

**Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Biên Hoà**

Hợp đồng 0142.15/48.05-HMTD ngày 10 tháng 06 năm 2015. Hạn mức tín dụng là 40.000.000.000 VND trong đó hạn mức cho vay tối đa là 35.000.000.000 VND. Mục đích sử dụng của khoản vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động mục đích sản xuất kinh doanh, phát hành bảo lãnh, tài trợ thương mại. Thời hạn của khoản vay: 06 tháng kể từ ngày nhận nợ. Lãi suất cho vay được áp dụng theo từng thời kỳ. Biện pháp đảm bảo của Hợp đồng là các tài sản quy định trong Hợp đồng thế chấp 039/NHNT.BH ngày 09/07/2008 và Hợp đồng thế chấp 113/09/VCB.BH ngày 25/11/2009.

**Công ty vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Việt Á – CN Đồng Nai**

Hợp đồng tín dụng số 200-91/15/VAB/HĐHMDN ngày 09/10/2015. Hạn mức cho vay tín dụng là: 200.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương với kỳ hạn: 11 tháng. Mục đích sử dụng vốn vay là dùng để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh ngành nhựa. Lãi suất áp dụng trong hợp đồng: 11%/năm đối với tiền VND và 5%/năm đối với USD. Biện pháp đảm bảo của hợp đồng là cổ phiếu Công ty CP Bình Hiệp thuộc sở hữu của các thành viên Công ty CP Nhựa Đồng Nai; Cổ phiếu Công ty Đầu tư nước và môi trường Việt Nam - CTCP Viwaseen thuộc sở hữu của công ty CP Nhựa Đồng Nai Miền Trung, Cổ phiếu Công ty Đầu tư nước và môi trường Việt Nam - CTCP Viwaseen thuộc sở hữu của công ty CP Nhựa Đồng Nai.

**Thông tin các khoản vay của Công ty CP Nhựa Tân Phú****Khoản vay ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 12**

Hợp đồng số 60/2015-HĐTDHM/NHCT944-NHUA TAN PHU ngày 15 tháng 9 năm 2015. Hạn mức tín dụng với mức dư nợ tối đa là 20.000.000.000 đồng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh, thời hạn cấp hạn mức là từ 15/9/2015 đến 15/9/2016. Biện pháp đảm bảo là xe ô tô biển số 57P-5173 và Xe ô tô biển số 52Z-1989 theo hợp đồng thế chấp tài sản số 11/HĐTC ngày 06/08/2012. Lãi suất cho vay là lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ và được thanh toán vào ngày 25 hàng tháng.

**Khoản vay ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh**

Hợp đồng hạn mức tín dụng ngắn hạn số FCA-533592-2016 ngày 4 tháng 1 năm 2016. Thỏa thuận về việc cấp hạn mức tín dụng với mức dư nợ tối đa: (i) Mở thư tín dụng nhập khẩu: tối đa 1.500.000 USD, (ii) Tài trợ nhập khẩu: tối đa 1.500.000 USD, (iii) Vay ngắn hạn để thanh toán trong nước: tối đa 500.000 USD. Mục đích vay là đáp ứng nhu cầu vốn lưu động của bên vay, thời hạn cấp hạn mức tối đa không quá 5 tháng. Biện pháp đảm bảo là (i) Hàng tồn kho luân chuyển và/hoặc khoản phải thu với giá trị tối thiểu tương đương 110% tổng các nghĩa vụ theo Hợp đồng này, (ii) Chuyển giao quyền thụ hưởng hợp đồng bảo hiểm hàng tồn kho thế chấp cho Ngân hàng với giá trị tối thiểu tương đương 1.000.000 USD. Lãi suất cho vay được áp dụng bằng chi phí vốn của ngân hàng + 2,2%, trong đó chi phí vốn sẽ được quyết định dựa trên lãi suất thị trường tại thời điểm rút vốn vay.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

**Khoản vay ngân hàng Standard Chartered – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh**

Thư cấp hạn mức tín dụng số BFL/062013-515 ngày 31 tháng 5 năm 2013. Thoả thuận về việc cấp hạn mức tín dụng với mức dư nợ tối đa 1.000.000 USD. Loại tín dụng được cấp là (i) Tài trợ hoá đơn nhập khẩu số tiền tối đa 1.000.000 USD để tài trợ mua hàng hoá trong nước và nhập khẩu nguyên vật liệu phát sinh theo yêu cầu kinh doanh bình thường của bên vay với kỳ hạn tối đa 120 ngày kể từ ngày hoá đơn, (ii) Vay nhập khẩu số tiền tối đa 1.000.000 USD để tài trợ thanh toán nhập khẩu theo thư tín dụng (L/C) được phát hành bởi Ngân hàng hoặc chứng từ nhờ thu trả ngay, chứng từ nhờ thu trả chậm thực hiện bởi Ngân hàng theo như yêu cầu kinh doanh bình thường của bên vay với kỳ hạn tối đa 120 ngày, (iii) Thư tín dụng số tiền tối đa 1.000.000 USD để mở thư tín dụng (L/C) trả ngay hoặc trả chậm cho việc nhập khẩu nguyên vật liệu theo như yêu cầu kinh doanh bình thường của bên vay với kỳ hạn tối đa 120 ngày. Mục đích của hạn mức tín dụng để sử dụng làm vốn lưu động như được trình bày cụ thể trên đây. Lãi suất được tính bằng chi phí huy động vốn của Ngân hàng cộng với biên độ tối thiểu 3%/năm.

**Khoản vay ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh**

Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01/CV-0120/KH/16NH kèm theo Hợp đồng tín dụng số 0120/KHDN1/16NH ngày 16/6/2016. Hạn mức tín dụng là 120.000.000.000 đồng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của bên vay. Thời hạn cho vay mỗi khoản nợ tối đa là 06 tháng. Biện pháp đảm bảo là 01 Xe ô tô con nhãn hiệu Hyundai TUCSON, biển số 52A-324.83 theo hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ số 0141/NHNT ký ngày 11 tháng 06 năm 2014 giữa Ngân hàng và khách hàng. Lãi suất cho vay áp dụng theo thoả thuận giữa bên cho vay và bên vay được thể hiện trên từng Giấy nhận nợ phù hợp với quy định về lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam từng thời kỳ.

**Khoản vay ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh**

Hợp đồng số 0010/HĐTD2-VIB880/16 ngày 22/02/2016. Hạn mức tín dụng là 30.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương. Loại tín dụng được cấp là (i) cho vay ngắn hạn 30.000.000.000 VND được VIB giải ngân với thời hạn tối đa 04 tháng, (ii) tín dụng chứng từ 30.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương được VIB phát hành tín dụng chứng từ cho các nhà cung cấp hàng hoá/dịch vụ cho Bên vay theo các hình thức L/C trả ngay/trả chậm tối đa 120 ngày. Mục đích cấp tín dụng để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm nhựa, nhập khẩu hạt nhựa các loại và các sản phẩm phụ trợ để sản xuất nhựa của bên vay. Thời hạn cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Tài sản đảm bảo là Hàng tồn kho luân chuyển chốt số dư tối thiểu 30 tỷ đồng tại mọi thời điểm và khoản phải thu của Công ty với giá trị tối thiểu 30 tỷ đồng tại mọi thời điểm. Lãi suất cho vay áp dụng là lãi suất thả nổi, được xác định từ thời điểm giải ngân/thời điểm điều chỉnh lãi suất, chịu sự điều chỉnh theo quy định về lãi suất của VIB từng thời kỳ, Kỳ hạn điều chỉnh lãi suất được quy định cụ thể tại từng Đơn đề nghị giải ngân kèm kế ước nhận nợ.

**Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh**

Hợp đồng số 236/2014/HĐHM/CMB-HCM ngày 30/01/2015. Hạn mức tín dụng là 40.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương với loại tín dụng được cấp là cho vay hoặc phát hành thư tín dụng (L/C). Mục đích cấp tín dụng để bổ sung vốn lưu động và Phát hành L/C nhập khẩu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nhựa. Thời hạn vay của các khoản vay thuộc hạn mức không được vượt quá 06 tháng. Biện pháp đảm bảo tiền vay là (i) Mỗi lần đề nghị phát hành L/C, công ty sẽ ký quỹ số tiền bằng tối thiểu 15% giá trị của L/C bằng tiền mặt hoặc đảm bảo bằng tiền gửi tại bên Ngân hàng, (ii) hàng tồn kho luân chuyển, (iii) Khoản phải thu luân chuyển của công ty và (iv) các biện pháp, tài sản đảm bảo khác theo thoả thuận 2 bên. Lãi suất và phương thức điều chỉnh lãi suất áp dụng được Bên ngân hàng thông báo cho công ty mỗi lần vay vốn được ghi nhận cụ thể trong các kế ước nhận nợ và/hoặc các văn bản liên quan.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Các khoản vay cá nhân theo hợp đồng vay ngắn hạn giữa cá nhân với công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú. Thời hạn vay là trên 01 tháng kể từ ngày công ty thu tiền của cá nhân, đến kỳ đáo hạn hợp đồng cá nhân không rút tiền ra thì hợp đồng được gia hạn với thời hạn như trên. Lãi suất cho vay được tính theo mức lãi suất Vay ngắn hạn của Ngân hàng Công thương Việt Nam. Lãi vay được trả theo tháng và căn cứ vào thông báo thay đổi lãi suất theo thời điểm của công ty.

***Thông tin các khoản vay của Công ty CP Nhựa Đồng Nai Miền Trung***

**Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Điện Ngọc**

Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 4218-LAV-201600325 ngày 07/4/2016, thời hạn vay không quá 12 tháng, hạn mức vay 7 tỷ đồng, lãi suất theo từng khế ước nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, khoản vay được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp số 02/2016/HĐTC-NDN ngày 05/4/2016.

**Khoản vay Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam - CN Điện Ngọc**

Hợp đồng tín dụng số 368/2015 - HĐTDHM/NHCT482-DNMT ngày 11/05/2015, thời hạn vay tối đa không quá 6 tháng, hạn mức vay 6.000.000.000 đồng, lãi suất theo từng khế ước nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, khoản vay được đảm bảo bằng các văn bản bảo lãnh của Công ty cổ phần nhựa Đồng Nai. Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số 368/2015 - HĐTDHM/NHCT482-DNMT ngày 11/05/2015 về việc gia hạn thời hạn duy trì hạn mức đến 31/01/2017 và thông báo số 08-2016/TB-CNQNM-KHDN ngày 08/3/2016 về việc cấp hạn mức tín dụng năm 2016 cho Công ty Cổ phần nhựa Đồng Nai Miền Trung là 15 tỷ đồng.

Thông tin chi tiết về các khoản vay dài hạn đến hạn trả và nợ thuê tài chính đến hạn trả được trình bày tại thuyết minh chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn 5.20.2.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI**  
 Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

**5.20.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	30/06/2016		Trong kỳ		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
1> Vay dài hạn	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	67.453.008.980	67.453.008.980	59.477.751.577	13.486.026.447	21.461.283.850	21.461.283.850
<b>Công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai</b>	<b>3.006.590.673</b>	<b>3.006.590.673</b>	-	<b>518.305.998</b>	<b>3.524.896.671</b>	<b>3.524.896.671</b>
Nhà hàng Tiên Phong (TPB) - CN Đồng Nai	348.226.673	348.226.673	-	50.959.998	399.186.671	399.186.671
Nhà hàng TMCP Quân Đội - SGD 2	2.658.364.000	2.658.364.000	-	467.346.000	3.125.710.000	3.125.710.000
<b>Công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai Miền Trung</b>	<b>24.625.374.366</b>	<b>24.625.374.366</b>	<b>28.501.707.636</b>	<b>5.512.720.449</b>	<b>1.636.387.179</b>	<b>1.636.387.179</b>
Nhà hàng TMCP công thương Việt Nam - CN Điện Ngọc	9.736.387.179	9.736.387.179	8.500.000.000	400.000.000	1.636.387.179	1.636.387.179
<b>Công ty cổ phần Nhựa Tân Phú</b>	<b>37.560.031.128</b>	<b>37.560.031.128</b>	<b>49.077.751.577</b>	<b>11.517.720.449</b>	-	-
Nhà hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 12	4.797.900.000	4.797.900.000	7.676.640.000	2.878.740.000	-	-
Nhà hàng TNHH MTV Skinhan Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	10.091.087.187	10.091.087.187	12.325.067.636	2.233.980.449	-	-
Nhà hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Tp.HCM	10.021.043.941	10.021.043.941	13.881.043.941	3.860.000.000	-	-
Vay cá nhân	12.650.000.000	12.650.000.000	15.195.000.000	2.545.000.000	-	-
<b>Công ty Cổ phần Bình Hiệp</b>	<b>17.150.000.000</b>	<b>17.150.000.000</b>	<b>1.900.000.000</b>	<b>1.050.000.000</b>	<b>16.300.000.000</b>	<b>16.300.000.000</b>
Nhà hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Thuận	17.150.000.000	17.150.000.000	1.900.000.000	1.050.000.000	16.300.000.000	16.300.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI**  
 Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

	30/06/2016		Trong kỳ		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay và nợ thuế tài chính dài hạn</b>						
2>Nợ thuế tài chính	126.774.550.547	126.774.550.547	141.127.014.697	17.768.031.306	3.415.567.156	3.415.567.156
<b>Công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai</b>	<b>12.200.625.410</b>	<b>12.200.625.410</b>	<b>15.922.601.815</b>	<b>7.137.543.561</b>	<b>3.415.567.156</b>	<b>3.415.567.156</b>
<i>Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh</i>	-	-	-	293.933.584	293.933.584	293.933.584
<i>Công ty TNHH Cho thuê tài chính QT Chaillese</i>	-	-	-	836.655.272	836.655.272	836.655.272
<i>Công ty TNHH Cho thuê tài chính QT Việt Nam</i>	12.200.625.410	12.200.625.410	15.922.601.815	6.006.954.705	2.284.978.300	2.284.978.300
<b>Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú</b>	<b>14.573.925.137</b>	<b>14.573.925.137</b>	<b>25.204.412.882</b>	<b>10.630.487.745</b>	-	-
<i>Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Tp.HCM</i>	4.105.956.141	4.105.956.141	9.802.776.813	5.696.820.672	-	-
<i>Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Tp.HCM</i>	287.054.527	287.054.527	564.554.527	277.500.000	-	-
<i>Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế CHAILEASE</i>	7.686.860.754	7.686.860.754	11.437.432.727	3.750.571.973	-	-
<i>Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam</i>	1.689.126.415	1.689.126.415	2.069.648.815	380.522.400	-	-
<i>Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín</i>	804.927.300	804.927.300	1.330.000.000	525.072.700	-	-
3> Trái phiếu thông thường	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000			
	<b>194.227.559.527</b>	<b>194.227.559.527</b>	<b>200.604.766.274</b>	<b>31.254.057.753</b>	<b>24.876.851.006</b>	<b>24.876.851.006</b>

Công ty không có các khoản vay và nợ thuế tài chính dài hạn đã quá hạn chưa thanh toán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

**1> Thông tin về các khoản vay dài hạn****Tại Công ty CP Nhựa Đồng Nai.****Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Đồng Nai**

Hợp đồng tín dụng số 690-07.2015/HĐKHMTD/TPBANK-DNI ngày 12/08/2015. Hạn mức tín dụng là 509.600.000 đồng. Thời hạn vay: 60 tháng. Mục đích vay để mua xe ô tô phục vụ mục đích đi lại của doanh nghiệp. Lãi suất trong hợp đồng là 7,7%/năm được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần kể từ sau ngày 07/05/2017. Biện pháp đảm bảo của Hợp đồng tín dụng này là (i) Hợp đồng đảm bảo số 850-11.2015/HĐTC/TPBANK-DNI ký kết ngày 07/11/2015 với tài sản là xe ô tô hình thành từ vốn vay. Số dư nợ vay tại ngày 30/06/2016 là 450.146.669 đồng trong đó nợ đến hạn trả là 101.919.996 đồng

**Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân đội – CN SGD 2**

Hợp đồng tín dụng số 15043.15.103.2431904.TD ngày 17/08/2015 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần quân đội – chi nhánh sở giao dịch 2 với công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai. Hạn mức tín dụng: 3.028.550.000 VND thời hạn tối đa 60 tháng. Mục đích sử dụng vốn vay để mua ô tô mới 100% phục vụ mục đích đi lại của doanh nghiệp. Lãi suất áp dụng: ưu đãi đến 18/08/2016: 8%, sau thời hạn trên, lãi suất được áp dụng là 9,7%/năm. Biện pháp đảm bảo hợp đồng là xe ô tô hình thành từ vốn vay. Số dư nợ vay tại ngày 30/06/2016 là 2.523.800.000 đồng trong đó nợ đến hạn trả là 605.700.000 đồng

Hợp đồng tín dụng số 20015.15.103.2431904.TD ngày 08/09/2015 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần quân đội – chi nhánh sở giao dịch 2 với công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai. Hạn mức tín dụng là: 1.316.000.000 VND thời hạn tối đa 48 tháng. Mục đích sử dụng vốn vay để mua ô tô, xe tải mới phục vụ mục đích đi lại của doanh nghiệp. Lãi suất áp dụng: ưu đãi đến 17/09/2016: 8%/năm, sau thời hạn trên, lãi suất được áp dụng là 9,7%/năm. Biện pháp đảm bảo hợp đồng là xe ô tô hình thành từ vốn vay. Số dư nợ vay tại ngày 30/06/2016 là 1.069.256.000 đồng trong đó nợ đến hạn trả là 328.992.000 đồng.

**Tại Công ty CP Nhựa Đồng Nai Miền Trung****Khoản vay Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam - CN Điện Ngọc**

Hợp đồng tín dụng số 78/2015-HĐTADA/NHCT482-DNMT ngày 17/11/2015, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 10%/năm và được điều chỉnh hàng tháng, hạn mức vay là 1.819.000.000 đồng. Mục đích vay để đầu tư dự án dây chuyền sản xuất ống nhựa HDPE 160, khoản vay được đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp tài sản số 77-2015/HĐTC-KHDN ngày 16/11/2015 với Ngân hàng Vietcombank - CN Quảng Nam. Hợp đồng số 249/2016-HDDTDDDA-NHCT482-DNMT ngày 22/3/2016, thời hạn vay là 60 tháng, hạn mức cho vay là 11,5 tỷ đồng, lãi suất theo từng khung ước nhận nợ. Mục đích vay để đầu tư nhà xưởng mở rộng và mua sắm dây chuyền máy móc thiết bị HDPE DEKUMA D800/315, HDPE FANGLI D280, khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

**Tại Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú****Khoản vay ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh**

Hợp đồng tín dụng số 0024/ĐTDA/15CD ngày 7 tháng 7 năm 2015. Hạn mức tối đa cho vay là 14.477.000.000 VND nhưng không vượt quá 77% tổng mức đầu tư của dự án. Mục đích sử dụng vốn vay là để thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ, hợp pháp liên quan để đầu tư dự án Đầu tư thiết bị máy móc thiết bị và khuôn mẫu để sản xuất bình PET 19 lít, chai PET 5 lít, nắp và quai chai 5 lít. Thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất là lãi suất tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 12 tháng bằng VND cộng biên độ. Trần lãi suất tiết kiệm được điều chỉnh 3 tháng/lần. Biên độ được điều chỉnh 12 tháng/lần dựa trên xếp hạng tín dụng nội bộ bên vay do bên cho vay đánh giá. Biên độ áp dụng từ ngày 1/7/2015 đến 30/6/2016 là 2,8%/năm. Biện pháp đảm bảo tiền vay được thực hiện như sau: Công ty thế chấp cho Ngân hàng toàn bộ máy móc thiết bị hình thành trong tương lai thuộc

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Dự án được quy định trong hợp đồng bảo đảm tiền vay. Số dư khoản vay tại 30/06/2016 là 13.109.043.941 đồng trong đó khoản vay phải trả trong 12 tháng tới là 3.088.000.000 đồng.

**Khoản vay Ngân hàng Shinhan Bank Vietnam**

Hợp đồng tín dụng số 130-000-256-280 ngày 16 tháng 1 năm 2015. Số tiền cho vay là 18.000.000.000 VND. Mục đích của khoản vay là thanh toán chi phí xây dựng, mua trang thiết bị, cơ sở hạ tầng cho dự án Xây dựng Nhà máy Nhựa Tân Phú tại Bắc Ninh. Lãi suất cho vay là chi phí vốn thị trường 6 tháng cộng 3%/năm và được điều chỉnh 6 tháng một lần. Thời hạn cho vay là 5 năm kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng, thời hạn rút vốn là 15 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng. Toàn bộ số nợ vay phát sinh tại Hợp đồng tín dụng này được đảm bảo bằng các tài sản đảm bảo: (i) Máy móc thiết bị thuộc quyền sở hữu của Bên vay, (ii) Nhà xưởng hình thành từ vốn vay tại Ngân hàng trên thửa đất số 327, tờ bản đồ số 4 thuộc Cụm Công nghiệp Xuân Lâm, xã Xuân Lâm, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 114100 cấp ngày 15/01/2013 bởi UBND tỉnh Bắc Ninh và (iii) Bảo lãnh cá nhân trị giá 18.000.000.000 VND của ông Ngô Đức Trung dưới dạng Hợp đồng bảo lãnh. Số dư khoản vay tại 30/06/2016 là 13.760.573.447 đồng trong đó khoản vay phải trả trong 12 tháng tới là 3.669.486.260 đồng.

**Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 12**

Hợp đồng tín dụng số 31/HĐTD ngày 20/04/2011. Số tiền cho vay là 37.000.000.000 đồng trong thời hạn 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời hạn rút vốn là 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích sử dụng vốn vay để đầu tư xây dựng tại xã Đức Hoà Hạ, huyện Đức Hoà tỉnh Long An. Lãi suất áp dụng cho vay là lãi suất thả nổi, lãi suất của khoản vay trong bất kỳ kỳ hạn tính lãi nào sẽ là lãi suất hàng năm và bằng tổng của lãi suất cơ sở và biên độ tối thiểu 4,5%/năm nhưng không thấp hơn sản lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và chi nhánh 12, ngày xác định lãi suất là ngày 01 định kỳ 3 tháng/lần, lãi suất cho vay áp dụng theo từng thời điểm giải ngân, ngày trả lãi là ngày 25 hàng tháng. Hình thức đảm bảo tiền vay bao gồm (i) Bảo đảm bằng tài sản hình thành trong tương lai – tài sản hình thành từ vốn vay của dự án, (ii) Thẻ chấp bằng tài sản hình thành trong tương lai – tài sản hình thành từ vốn vay của dự án và (iii) quyền sử dụng đất ở số T02330 ngày 16/6/2008 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai tọa lạc tại xã Đức Hoà Hạ, huyện Đức Hoà tỉnh Long An, hợp đồng xây dựng nhà máy nhựa Tân Phú tại Long An số 01/HĐXD/2010 ngày 30/07/2010. Số dư khoản vay tại 30/06/2016 là 10.555.380.000 đồng trong đó khoản vay phải trả trong 12 tháng tới là 5.757.480.000 đồng.

**Khoản vay dài hạn cán bộ công nhân viên theo hợp đồng vay dài hạn giữa các cá nhân với công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú.** Mục đích vay là để bổ sung vốn cố định hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú. Thời hạn vay là 24 tháng kể từ ngày công ty thu tiền của các cá nhân, khi đến kỳ đáo hạn nếu các cá nhân không rút tiền ra thì hợp đồng được gia hạn với thời hạn như trên. Lãi suất cho vay được tính theo mức lãi suất vay trung hạn của Ngân hàng Công thương Việt Nam – CN 12. Lãi suất được trả theo tháng và căn cứ vào thông báo thay đổi lãi suất theo thời điểm của công ty. Số dư khoản vay tại 30/06/2016 là 12.650.000.000 đồng.

**Tại Công ty CP Bình Hiệp****Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Bình Thuận**

Hợp đồng tín dụng số 08350014/HĐTD ngày 16/05/2008 giữa Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Bình Thuận. Hạn mức tín dụng: 5.000.000.000 VND. Thời hạn 8 năm. Mục đích sử dụng Xây dựng các tuyến ống cấp nước thuộc hệ thống cấp nước Cà Giang - TP. Phan Thiết. Lãi suất áp dụng: Lãi suất được điều chỉnh theo công bố của Ngân hàng theo từng thời điểm. Số dư nợ vay tại ngày 30/06/2016 là 100.000.000 đồng.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Hợp đồng tín dụng số 1346014/HĐTD ngày 09/05/2013 giữa Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Bình Thuận. Hạn mức tín dụng: 10.000.000.000 VND. Thời hạn 9 năm. Mục đích sử dụng Đầu tư nâng cấp, cải tạo hệ thống cấp nước Cà Giang công suất 15.000 m<sup>3</sup>/ ngày đêm lên 30.000m<sup>3</sup>/ ngày đêm. Lãi suất áp dụng: 13,5%/năm tại thời điểm ký hợp đồng, thay đổi khi có thông báo của Ngân hàng. Số dư nợ vay tại ngày 30/06/2016 là 9.600.000.000 đồng.

Hợp đồng tín dụng số 17/2014-HĐTĐA/NHCT600 - BINH HIEP ngày 09/12/2014 giữa Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Bình Thuận. Hạn mức tín dụng: 7.200.000.000 VND. Thời hạn 7 năm. Mục đích sử dụng đầu tư Dự án công trình tuyến ống chuyển tải nước sạch D300 từ Nhà máy nước Cà Giang cấp cho TP. Phan Thiết. Lãi suất áp dụng: 10%/năm tại thời điểm ký hợp đồng, điều chỉnh 1 tháng/lần vào ngày 15 hàng tháng.

### **2> Thông tin về các khoản thuê tài chính**

#### **Tại Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai**

Công ty thuê tài chính của công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh TPHCM theo các Hợp đồng số: 68.14.07/CTTC ngày 10/04/2014 và Hợp đồng số 68.14.08/CTTC ngày 27/05/2014 với thời hạn thuê 36 tháng về việc thuê tài chính máy móc phục vụ cho mục đích sản xuất kinh doanh của công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai. Lãi suất cho thuê được áp dụng từ thời điểm giải ngân khoản đầu tiên và được điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần. Số dư nợ vay của các hợp đồng tại ngày 30/06/2016 là 572.354.176 đồng và phải thanh toán trong 12 tháng tới.

Công ty thuê tài chính của công ty TNHH cho thuê tài chính Chailease theo Hợp đồng số: A131100402 ngày 01/11/2013 với thời hạn thuê là 42 tháng về việc thuê tài chính máy móc phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh của công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai. Lãi suất cho thuê của hợp đồng thuê tài chính được áp dụng là 5,25%/năm. Số dư nợ vay tại ngày 30/06/2016 là 1.842.310.984 đồng và phải thanh toán trong 12 tháng tới.

<6> Công ty thuê tài chính của công ty TNHH cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam bao gồm 06 hợp đồng với thời hạn thuê là 48 tháng về việc thuê tài chính máy móc phục vụ cho mục đích sản xuất kinh doanh của công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai. Lãi suất cho thuê từ 4,68% đến 8,3%/năm cho các hợp đồng thuê. Số dư nợ vay của các hợp đồng tại ngày 30/06/2016 là 17.393.715.629 đồng trong đó nợ đến hạn trả là 5.193.090.220 đồng.

#### **Tại Công ty CP Nhựa Tân Phú**

#### **Thuê tài chính của Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín**

Hợp đồng cho thuê tài chính số SBL01021604013 ngày 12 tháng 4 năm 2016 phục vụ nhu cầu kinh doanh của công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú với giá trị thuê là 1.103.900.000 VND, thời hạn thuê được tính từ ngày công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú nhận nợ và sẽ được quy định cụ thể tại Lịch thanh toán tiền thuê của Hợp đồng. Lãi suất cho thuê được áp dụng như sau: (i) lãi suất cho thuê từ ngày nhận nợ cho đến ngày 30/06/2017: 7,5%/năm, (ii) lãi suất cho thuê từ 01/07/2017 - 30/06/2018: 8,7%/năm, (iii) lãi suất cho thuê từ 01/07/2018: lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm 13 tháng của NH TMCP Sài Gòn Thương Tín + phí cố định 2,2%/năm. Lãi suất cho thuê được điều chỉnh vào ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm. Số dư của hợp đồng thuê còn lại tại 30/06/2016 là 1.080.902.100 đồng trong đó khoản phải trả trong 12 tháng tới là 275.974.800 đồng.

#### **Thuê tài chính của Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam**

Theo các Hợp đồng cho thuê tài chính về việc thuê tài chính máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất kinh doanh, gồm có 02 hợp đồng với tổng giá trị thuê là 3.807.802.190 VND, thời hạn thuê 48 tháng với lãi suất thuê là từ 8,42% - 8,49%/năm tại thời điểm 30/6/2016 cho các hợp đồng thuê. Phương thức trả tiền thuê: thanh toán trước mỗi tháng. Tổng số dư của các hợp đồng thuê còn lại tại 30/06/2016 là 2.450.171.215 đồng trong đó khoản phải trả trong 12 tháng tới là 761.044.800 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

**Thuê tài chính của Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam**

Theo các Hợp đồng cho thuê tài chính về việc thuê tài chính máy móc phục vụ sản xuất kinh doanh và mục đích di chuyển theo đúng quy định trong Giấy phép kinh doanh và dự án/phương án thuê tài chính, gồm có 04 Hợp đồng với tổng giá trị thuê là 2.325.429.527VND, thời hạn thuê từ 48 – 60 tháng, thanh toán gốc và lãi hàng tháng. Lãi suất cho thuê được xác định theo phương pháp thả nổi, lãi suất cho thuê tài chính được xác định bằng chi phí huy động vốn thực tế của Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam trong từng thời kỳ cộng biên độ 3%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất sàn cho vay trung dài hạn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam quy định trong từng thời kỳ. Lãi suất áp dụng cho các hợp đồng thuê tại thời điểm 30/06/2016 là 11,5%. Tổng số dư của các hợp đồng thuê còn lại tại 30/06/2016 là 842.054.527 đồng trong đó khoản phải trả trong 12 tháng tới là 555.000.000 đồng.

**Thuê tài chính của Công ty TNHH cho thuê tài chính quốc tế Chaillease**

Theo các Hợp đồng cho thuê tài chính về việc thuê tài chính máy móc phục vụ sản xuất kinh doanh, gồm có 19 hợp đồng với tổng giá trị thuê là 19.941.322.952 VND, thời hạn thuê từ 42 tháng – 48 tháng, lãi và gốc được trả hàng tháng. Lãi suất áp dụng tại 30/06/2016 là từ 8,4% - 11,7%/năm cho các hợp đồng thuê. Tổng số dư của các hợp đồng thuê còn lại tại 30/06/2016 là 12.707.504.964 đồng trong đó khoản phải trả trong 12 tháng tới là 5.020.644.210 đồng.

**Thuê tài chính của Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Vietcombank – Chi nhánh TP HCM**

Theo các Hợp đồng cho thuê tài chính về việc thuê tài chính máy móc phục vụ sản xuất kinh doanh, gồm có 30 Hợp đồng(bao gồm Hợp đồng của chi nhánh công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú tại Bắc Ninh), với tổng giá trị thuê là 27.852.139.039 VNĐ, thời hạn thuê từ 36 tháng – 48 tháng, thanh toán gốc và lãi hàng tháng. Lãi suất áp dụng tại 30/6/2016 là từ 8,8% - 9,8%/năm cho các hợp đồng thuê. Tổng số dư của các hợp đồng thuê còn lại tại 30/06/2016 là 11.293.350.798 đồng trong đó khoản phải trả trong 12 tháng tới là 7.187.394.656 đồng.

**Thanh toán nợ thuê tài chính dài hạn như sau:**

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND
<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</b>			
Trả nợ gốc		10.789.349.179	
Trả lãi tiền thuê		1.626.061.896	
<b>Tổng khoản thanh toán tiền thuê TC</b>		<b>12.415.411.075</b>	
<b>Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015</b>			
Trả nợ gốc		15.819.164.796	
Trả lãi tiền thuê		1.394.988.524	
<b>Tổng khoản thanh toán tiền thuê TC</b>		<b>17.214.153.320</b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

**3> Thông tin về khoản trái phiếu thông thường:**

Trong năm, Công ty đã phát hành trái phiếu thường cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Biên Hòa và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Dịch vụ khách hàng đặc biệt để bổ sung vốn lưu động, tái cơ cấu các khoản vay theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 10/2016/NQ-HĐQT ngày 16 tháng 05 năm 2016.

Thông tin chi tiết về trái phiếu này như sau:

- Thời điểm phát hành : 25/05/2016.
- Kỳ hạn gốc : 36 tháng
- Kỳ hạn còn lại : 35 tháng
- Số lượng trái phiếu phát hành : 100 trái phiếu
- Mệnh giá : 1.000.000.000 VND
- Lãi suất : 7,4% /năm đầu tiên, từ năm thứ 2 bằng lãi suất tiết kiệm trả sau kỳ hạn 12 tháng cộng 3,5%.
- Thời hạn thanh toán : Trả gốc 1 lần đáo hạn hoặc vào ngày mua lại trái phiếu trước hạn
- Tài sản bảo đảm : Trái phiếu được bảo đảm bằng máy móc thiết bị và công trình tại 02 nhà máy nước của Công ty CP Bình Hiệp, lô đất A6 – A7, p. Xuân An, Phan Thiết, Bình Thuận thuộc sở hữu của Công ty CP Bình Hiệp và dây chuyền sản xuất ống nhựa HDPE của Công ty CP Nhựa Đồng Nai.
- Cam kết khác : Không chia cổ tức bằng tiền cho cổ đông trong thời gian trái phiếu lưu hành.  
Đảm bảo hệ số vay không vượt quá 75% vốn chủ sở hữu. Khả năng trả nợ dài hạn và hệ số thanh toán lớn hơn hoặc bằng 1.  
Duy trì tối thiểu 20% giá trị còn lại của Trái phiếu đang lưu hành trong tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Vietcombank trong vòng tối thiểu 30 ngày trước mỗi ngày tròn 12 tháng, 24 tháng và 36 tháng.
- Các khoản vay đã được cơ cấu từ nguồn trái phiếu dài hạn : Tổng giá trị khoản vay đã cơ cấu: 99.999.946.733 đồng:  
Khoản vay và lãi vay Việt Á: 29.999.946.733 đồng  
Khoản vay Vietinbank: 30.000.000.000 đồng  
Khoản vay Far East National Bank: 10.000.000.000 đồng  
Khoản vay Vietcombank: 20.000.000.000 đồng  
Khoản vay Standard Chattered Bank: 10.000.000.000 đồng

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

**5.21 Thuế TNDN hoãn lại phải trả**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Do hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	990.800.435	-
	<u>990.800.435</u>	<u>-</u>

**Chi tiết số dư thuế TNDN hoãn lại phải trả:**

Hoàn nhập dự phòng giảm giá ĐTTC năm 2014	7.744.000.000	
Hoàn nhập dự phòng giảm giá ĐTTC năm 2015	418.307.014	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá ĐTTC năm 2016	356.453.361	
	<u>8.518.760.375</u>	<u>-</u>

**5.22 Dự phòng phải trả dài****5.22.1 Dự phòng phải trả ngắn hạn****Dự phòng phải trả ngắn hạn**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Dự phòng tiền lương phải trả	753.899.710	753.899.710
	<u>753.899.710</u>	<u>753.899.710</u>

**5.22.2 Dự phòng phải trả dài hạn**

Dự phòng phải trả dài hạn trình bày các khoản bảo trich bảo hành sản phẩm tại Chi nhánh Tp Hồ Chí Minh với thời gian bảo hành từ 02 – 03 năm tùy theo từng hợp đồng bán sản phẩm.

Tình hình biến động các khoản dự phòng phải trả dài hạn như sau:

	6 tháng 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tại ngày đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng bổ sung	305.223.105	
Tăng do mua Công ty con	902.078.412	
Tại ngày cuối kỳ	<u>1.207.301.517</u>	<u>-</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI**  
 Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

**5.23 Vốn chủ sở hữu ("VCSH")**

**5.23.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác thuộc chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng	
<i>Năm trước</i>									
Tại ngày 01/01/2015	34.276.370.000	26.517.339.735	1.441.908.340	(342.000)	19.576.262.119	28.966.953.711	302.983.311	111.081.475.216	
Trích các quỹ					6.481.444.188			6.481.444.188	
Lãi trong năm						45.058.404.272	8.109.090.201	53.167.494.473	
Tặng vốn trong kỳ	100.795.040.000	16.905.000.000	8.941.277.661				8.367.923.000	135.009.240.661	
Tặng do mua Công ty con							21.998.495.711	21.998.495.711	
Phân loại các khoản chia cổ tức và thưởng bằng cổ phiếu theo TT 202/2014/TT-BTC			1.398.990.720		(3.413.085)	(1.395.577.635)		-	
Tặng khác					5.285	2.678.884.117	331.910.881	3.010.800.283	
Phân phối lợi nhuận						(8.550.132.169)		(8.550.132.169)	
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi tại Công ty con khi hợp nhất						(461.903.812)	(398.314.070)	(860.217.882)	
Chênh lệch giá phí đầu tư khi mua thêm vốn tại Công ty con						(164.091.264)		(164.091.264)	
Giảm do thường có phiếu và trả cổ tức tăng vốn		(26.517.339.735)			(1.028.298.705)	(25.840.679.221)	(1.814.000.000)	(53.386.317.661)	
Trả cổ tức bằng tiền								(1.814.000.000)	
Tại ngày 31/12/2015	135.071.410.000	16.905.000.000	11.782.176.721	(342.000)	25.035.999.802	40.291.857.999	36.898.089.034	265.994.191.556	

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

**5.22.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu (tiếp)**

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác thuộc chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<i>Năm nay</i>								
Tại ngày 01/01/2016	135.071.410.000	16.905.000.000	11.782.176.721	(342.000)	25.035.999.802	40.291.857.999	36.898.089.034	265.984.191.556
Trích các quỹ					2.020.774.833			2.020.774.833
Lãi trong kỳ						44.235.973.201	9.316.401.841	53.552.375.042
Tặng do mua Công ty con						29.890.736.573	29.890.736.573	29.890.736.573
Tặng lợi nhuận do điều chỉnh Quyết toán thuế TNDN năm 2015						556.584.057	275.756.628	832.340.685
Phân phối lợi nhuận						(2.176.919.821)	(134.648.697)	(2.311.568.518)
Giảm do thoái vốn tại Công ty Tân Phú Miền Trung							(796.380.191)	(796.380.191)
Giảm khác						(24.255.982)	(12.017.498)	(36.273.480)
Hạch toán bổ sung thuế TNDN hoãn lại phải trả năm 2014						(144.465.428)	(71.574.632)	(216.040.060)
Giảm giá trị đầu tư theo PP VCSH của Nhựa TPSC năm 2015						(242.354.069)	(120.073.042)	(362.427.111)
Chia cổ tức							(2.229.059.400)	(2.229.059.400)
Tại ngày 30/06/2016	135.071.410.000	16.905.000.000	11.782.176.721	(342.000)	27.056.774.635	82.496.419.957	73.017.230.616	346.328.669.929

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

**5.23.2 Cổ phiếu**

	30/06/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.507.141	13.507.141
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	13.507.141	13.507.141
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	10	10
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	13.507.131	13.507.131
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND		

**5.23.3 Phân phối lợi nhuận**

Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016, Công ty CP Nhựa Đồng Nai thực hiện chia cổ tức 25% bằng cổ phiếu, và thưởng 18% cổ phiếu từ nguồn quỹ đầu tư phát triển. Công ty đã thông báo việc chia cổ tức và thưởng cổ phiếu trong tháng 6/2016. Ngày giao dịch không hưởng quyền là ngày 22/06/2016.

Ngoài ra, Công ty cũng phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 100:60 với giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Ngày cuối cùng đăng ký nộp tiền là ngày 03/08/2016.

Tại thời điểm 30/06/2016, do chưa có báo cáo kết quả phát hành, Công ty chưa điều chỉnh tăng vốn điều lệ từ việc phân phối trả cổ tức và cổ phiếu thưởng.

**5.24 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****5.24.1 Tài sản thuê ngoài**

Tại Công ty CP Nhựa Đồng Nai

- Công ty thuê đất và sử dụng hạ tầng tại khu công nghiệp Biên Hòa 1 trong thời hạn 50 năm kể từ 1/7/2001 đến 12/4/2051 với giá trị thuê là 11.575,08 USD/năm. Tổng giá trị tiền thuê tối thiểu trong tương lai tại thời điểm 31/12/2015 là 402.619,87 USD tương ứng giá trị là 8.966.344.504 đồng theo tỷ giá mua chuyển khoản của Ngân hàng TMCP Vietcombank ngày 30/06/2015 là 22.270 VND/USD. Tổng giá trị tiền thuê tối thiểu trong tương lai tại thời điểm 31/12/2015 là 408.407,41 USD tương ứng giá trị là 9.168.746.355 đồng theo tỷ giá mua chuyển khoản của Ngân hàng TMCP Vietcombank ngày 31/12/2015 là 22.450 VND/USD.

Tại Công ty CP Nhựa Tân Phú

- Hợp đồng thuê máy ép phun số 599/HĐ-NVN-TCKT ngày 18/06/2007 giữa Công ty CP Nhựa Việt Nam và Công ty CP Nhựa Tân Phú và phụ lục số 02 ngày 25/12/2014 về việc điều chỉnh hợp đồng cho thuê thiết bị khuôn mẫu số 599/HĐ-NVN-TCKT. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 12 năm kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 10/08/2018. Giá thuê còn phải thanh toán là 2.354.295.125 đồng.

- Hợp đồng thuê máy móc, khuôn mẫu số 723/HĐ-NVN-TCKT ngày 24/07/2007 giữa Công ty CP Nhựa Việt Nam và Công ty CP Nhựa Tân Phú và phụ lục số 03 ngày 16/09/2012, phụ lục số 04 ngày 25/12/2014. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 14 năm kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 10/08/2020. Giá thuê còn phải thanh toán là 1.179.689.525 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

**5.24.2 Ngoại tệ các loại**

	30/06/2016	01/01/2016
Dollar Mỹ (USD)	204.973,43	101.083,64
Euro (EUR)	364,14	369,60

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****6.1.1 Tổng doanh thu**

	6 tháng năm 2016 VND	6 tháng năm 2015 VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ	693.015.717.881	387.989.510.824
	<u>693.015.717.881</u>	<u>387.989.510.824</u>

**6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

	6 tháng năm 2016 VND	6 tháng năm 2015 VND
Công ty CP Tân Phú - Sài Gòn	6.921.026.898	-
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Thuận	24.293.552.380	21.689.391.428

**6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu**

	6 tháng năm 2016 VND	6 tháng năm 2015 VND
Chiết khấu thương mại	272.669.300	16.152.724
Giảm giá hàng bán	1.896.350	593.702.303
Hàng bán bị trả lại	972.571.462	62.976.960
	<u>1.247.137.112</u>	<u>672.831.987</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

**6.3 Giá vốn hàng bán**

	6 tháng năm 2016	6 tháng năm 2015
	VND	VND
Giá vốn thành phẩm, hàng hóa đã bán	537.157.160.467	315.183.285.644
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(781.760.066)
	<u>537.157.160.467</u>	<u>314.401.525.578</u>

**6.4 Doanh thu hoạt động tài chính**

	6 tháng năm 2016	6 tháng năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.139.237.085	290.437.243
Cổ tức, lợi nhuận được chia	201.250.000	
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	983.913.106	189.262.031
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.548.066.846	
	<u>3.872.467.037</u>	<u>479.699.274</u>

**6.5 Chi phí hoạt động tài chính**

	6 tháng năm 2016	6 tháng năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	22.423.825.104	9.540.496.201
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.255.610	4.493.149.966
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	526.035.105	
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	595.032.391	
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	(124.000.000)	
Chi phí tài chính khác	702.331.981	
	<u>24.124.480.191</u>	<u>14.033.646.167</u>

**6.6 Lợi nhuận (lỗ) từ đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh**

	6 tháng năm 2016	6 tháng năm 2015
	VND	VND
Lãi (lỗ) theo tỷ lệ sở hữu tại Công ty liên kết	(1.662.442.031)	-
Cổ tức nhận trong năm 2015	(201.250.000)	
Lợi nhuận (lỗ) từ đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	<u>(1.863.692.031)</u>	<u>-</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

**6.7 Chi phí bán hàng**

	<b>6 tháng năm 2016</b>	<b>6 tháng năm 2015</b>
	VND	VND
Chi phí nhân công	1.912.616.262	126.815.686
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	443.166.363	36.770.744
Chi phí khấu hao	1.061.909.481	301.936.599
Dự phòng bảo hành sản phẩm	305.223.105	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.819.715.574	6.413.422.536
Chi phí bằng tiền khác	4.911.072.423	2.723.236.281
	<b>21.453.703.208</b>	<b>9.602.181.846</b>

**6.8 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>6 tháng năm 2016</b>	<b>6 tháng năm 2015</b>
	VND	VND
Chi phí nhân công	17.725.845.967	9.146.066.005
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.072.775.201	183.913.594
Chi phí khấu hao	5.606.368.236	455.526.174
Thuế, phí và lệ phí	1.403.451.292	995.168.690
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	10.228.880.819	4.045.928.476
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.519.834.427	1.302.069.619
Chi phí bằng tiền khác	12.798.616.230	4.483.557.459
	<b>53.355.772.172</b>	<b>20.612.230.017</b>

**6.9 Thu nhập khác**

	<b>6 tháng năm 2016</b>	<b>6 tháng năm 2015</b>
	VND	VND
Lợi nhuận từ thanh lý TSCĐ	8.225.224.000	
Thu nhập do nguyên liệu thừa	148.609.377	
Lãi từ mua rẻ Công ty con	3.342.860	478.630.930
Các khoản khác	156.823.026	32.187.000
	<b>8.533.999.263</b>	<b>510.817.930</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

<b>6.10 Chi phí khác</b>	<b>6 tháng năm 2016</b>	<b>6 tháng năm 2015</b>
	VND	VND
Phạt vi phạm hành chính	342.107.981	
Các khoản khác	522.377.557	312.739.935
	<u>864.485.538</u>	<u>312.739.935</u>
<b>6.11 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành</b>	<b>6 tháng năm 2016</b>	<b>6 tháng năm 2015</b>
	VND	VND
Công ty CP Nhựa Đồng Nai	3.823.268.053	3.572.944.170
Các công con	9.643.108.435	1.001.574.423
	<u>13.466.376.488</u>	<u>4.574.518.593</u>
<b>6.12 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hoãn lại</b>	<b>6 tháng năm 2016</b>	<b>6 tháng năm 2015</b>
	VND	VND
Do hoãn nhập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn Công ty con, Công ty liên kết	356.453.361	
Do ghi nhận lợi nhuận chưa thực hiện	(2.014.517.643)	
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc kết chuyển tài sản thuế thu nhập hoãn lại		92.100.643
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(4.933.786)	
	<u>(1.662.998.068)</u>	<u>92.100.643</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

**6.13 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	6 tháng năm 2016	6 tháng năm 2015
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ	44.235.973.201	20.594.036.044
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	44.235.973.201	20.594.036.044
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	13.507.131	6.786.573
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>3.275</b>	<b>3.035</b>

**6.14 Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	6 tháng năm 2016	6 tháng năm 2015
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	44.235.973.201	20.594.036.044
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:	-	-
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	44.235.973.201	20.594.036.044
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	18.909.436	7.872.131
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>2.339</b>	<b>2.616</b>

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

	6 tháng năm 2016	6 tháng năm 2015
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	13.507.131	6.786.573
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm:		
- Phát hành cổ phiếu trả cổ tức 2015	5.402.305	1.085.558
<b>Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>18.909.436</b>	<b>7.872.131</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

**6.15 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	6 tháng năm 2016	6 tháng năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ	428.466.916.728	227.285.654.986
Chi phí nhân công	51.434.095.175	21.434.351.672
Chi phí khấu hao tài sản cố định	28.761.968.039	10.529.987.272
Thuế, phí, lệ phí	1.406.451.292	975.876.690
Chi phí dự phòng	10.531.103.924	4.045.928.476
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác bằng tiền	69.994.914.345	30.746.277.070
	<u>590.595.449.503</u>	<u>295.018.076.166</u>

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ****7.1 Các giao dịch không bằng tiền**

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	6 tháng năm 2016	6 tháng năm 2015
	VND	VND
Mua tài sản thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	23.827.803.134	7.071.696.167
	<u>23.827.803.134</u>	<u>7.071.696.167</u>

**7.2 Tiền thu từ đi vay**

	6 tháng năm 2016	6 tháng năm 2015
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	500.833.598.550	277.770.049.307
	<u>500.833.598.550</u>	<u>277.770.049.307</u>

**7.3 Tiền trả nợ gốc vay**

	6 tháng năm 2016	6 tháng năm 2015
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông	676.882.026.421	348.967.498.015
	<u>676.882.026.421</u>	<u>348.967.498.015</u>

## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

## 8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn và chứng khoán kinh doanh phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản trái phiếu, nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

### *1. Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, trái phiếu, và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

#### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty, chủ yếu bằng VND, và ngoài ra, bằng Đô la Mỹ (USD)

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

#### *Rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của các cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể

### *ii. Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

*Phải thu khách hàng*

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

*Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

*Cho vay*

Công ty có cho các công ty con vay tiền. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản cho vay là thấp.

**iii. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng cộng
<b>Ngày 30 tháng 06 năm 2016</b>			
Các khoản vay và nợ	553.242.548.793	94.227.559.527	647.470.108.320
Trái phiếu thông thường		100.000.000.000	100.000.000.000
Phải trả người bán	29.942.670.544	-	29.942.670.544
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả (không gồm KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN)	8.151.796.828	1.830.801.735	9.982.598.563
	<b>591.337.016.165</b>	<b>196.058.361.262</b>	<b>787.395.377.427</b>
<b>Ngày 01 tháng 01 năm 2016</b>			
Các khoản vay và nợ	377.029.470.505	24.876.851.006	401.906.321.511
Trái phiếu thông thường			-
Phải trả người bán	22.991.638.166	-	22.991.638.166
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả (không gồm KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN)	4.471.460.732	-	4.471.460.732
	<b>404.492.569.403</b>	<b>24.876.851.006</b>	<b>429.369.420.409</b>

Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết để thanh toán các khoản nợ nêu trên khi đến hạn.

**iv. Giá trị hợp lý (Xem tại Phụ lục 01)**

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

**9. CÁC THÔNG TIN KHÁC****9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**9.4.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị (đ)
Hội đồng quản trị & Ban kiểm soát	Thù lao HĐQT & BKS	230.000.000
Lương Ban Tổng giám đốc	Lương kỳ 01/01/2016 đến 30/06/2016	1.758.829.919

**9.4.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số 5.2

**9.2 Thông tin về bộ phận**

Theo các lĩnh vực kinh doanh, hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty được chia thành các lĩnh vực chủ yếu như sau:

- Ống nhựa và phụ kiện ngành nước
- Bao bì, túi nilong xuất khẩu
- Sản xuất và phân phối nước sạch
- Sản xuất nhựa công nghiệp
- Hoạt động kinh doanh khác

Theo khu vực địa lý, hoạt động kinh doanh của Công ty được chia thành 02 miền: Miền Bắc (gồm hoạt động của các bộ phận tại Hà Nội, Bắc Ninh, Lao Bảo) và Miền Nam (gồm hoạt động của các bộ phận tại Quảng Nam, Bình Thuận, Tp. Hồ Chí Minh, Long An, Tiền Giang).

Công ty lập báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận được trình bày chi tiết tại Phụ lục 02 đính kèm.

**9.3 Số liệu so sánh**

Số liệu đầu năm được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2015 đã được soát xét.



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

**9.4 Thông tin về hoạt động liên tục**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình

**9.5 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.



**Lại Dung Hạnh**  
Người lập



**Hoàng Anh Tuấn**  
Kế toán trưởng



**Ngô Đức Vũ**  
Tổng Giám đốc

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2016*

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI**  
 Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

**Phụ lục số 01: Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty

Chi tiêu	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	30/06/2016		01/01/2016		30/06/2016	01/01/2016
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
<b>Tài sản tài chính</b>						
Tiền và các khoản tương đương tiền	66.275.325.042		117.919.781.424		66.275.325.042	117.919.781.424
Đầu tư tài chính ngắn hạn	50.478.000.000	(76.000.000)	20.468.270.709	-	50.402.000.000	20.468.270.709
Phải thu khách hàng và phải thu khác	337.393.532.478	(33.127.733.048)	220.106.713.971	(23.358.595.294)	304.265.799.430	196.748.118.677
Phải thu về cho vay	610.000.000	(610.000.000)	-		0	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>454.756.857.520</b>	<b>(33.813.733.048)</b>	<b>358.494.766.104</b>	<b>(23.358.595.294)</b>	<b>420.943.124.472</b>	<b>335.136.170.810</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>						
Phải trả người bán và phải trả khác (không bao gồm BHXH, BHYT, BHYT)	33.857.244.921		25.811.010.583		33.857.244.921	25.811.010.583
Vay và nợ ngắn hạn	553.242.548.793		377.029.470.505		553.242.548.793	377.029.470.505
Chi phí phải trả	6.068.024.186		1.652.088.315		6.068.024.186	1.652.088.315
Vay và nợ dài hạn	194.227.559.527		24.876.851.006		194.227.559.527	24.876.851.006
<b>Tổng cộng</b>	<b>787.395.377.427</b>	<b>-</b>	<b>429.369.420.409</b>	<b>-</b>	<b>787.395.377.427</b>	<b>429.369.420.409</b>

Giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

"Việc ước tính giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty được thực hiện như sau:

Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác cũng như các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ ngắn hạn."  
 Ngoài các khoản mục nêu trên, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 30/06/2016 do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ và ngày kết thúc năm tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI**  
 Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

**Phụ lục số 02: Báo cáo bộ phận**

Chỉ tiêu	6 tháng năm 2016						Tổng cộng
	Ông và phụ kiện ngành nước	Bao bì, túi nilong nhựa	Sản xuất, phân phối nước sạch	Nhựa công nghiệp	Khác		
1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	257.086.442.803	144.678.291.028	25.278.412.266	276.340.944.605	8.384.490.067		691.768.580.769
2. Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác							-
3. Khấu hao	5.320.920.683	3.471.610.531	29.243.265.598	15.105.999.889	1.394.665.611		54.536.462.312
4. Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.506.329.175	20.969.595.145	12.055.026.367	59.863.291.389	6.296.923.095		124.691.165.171
5. Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	16.057.298.769	688.041.791	17.127.376.187	27.899.539.986	508.812.651		62.281.069.384
6. Tài sản bộ phận	254.991.709.062	25.429.111.349	120.520.555.375	329.465.021.206			710.406.396.992
7. Tài sản không phân bổ							465.971.869.783
<b>Tổng tài sản</b>							<b>1.176.378.266.775</b>
8. Nợ phải trả bộ phận	11.491.244.638	6.032.239.059	59.929.837.636	226.150.937.988			465.971.869.783
9. Nợ phải trả không phân bổ							364.077.727.063
<b>Tổng nợ phải trả</b>							<b>830.049.596.846</b>

**2. Báo cáo bộ phận thứ yếu - Theo khu vực địa lý**

Chỉ tiêu	6 tháng năm 2016		Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	Miền Bắc	Miền Nam	
1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	97.731.332.386	594.037.248.383	691.768.580.769
2. Tài sản bộ phận	142.409.894.640	1.033.968.372.135	1.176.378.266.775
3. Tổng chi phí đã phát sinh mua tài sản cố định	4.950.050.284	57.331.019.100	62.281.069.384

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI**  
 Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

**Phụ lục số 02: Báo cáo bộ phận (tiếp)**

**1. Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo khu vực địa lý**

Chỉ tiêu	6 tháng năm 2015						Tổng cộng
	Ông và phụ kiện ngành nước	Bao bì, túi nilong nhựa	Sản xuất, phân phối nước sạch	Nhựa công nghiệp	Khác		
1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	202.748.678.011	141.363.342.116	22.974.127.112		20.230.531.598		387.316.678.837
2. Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	31.861.172.262				17.885.369.400		49.746.541.662
3. Khấu hao	4.499.520.203	2.714.085.909	2.774.281.071		1.841.831.072		11.829.718.255
4. Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	34.170.104.749	21.204.501.317	11.077.036.273		6.463.510.920		72.915.153.259
5. Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	1.227.818.583	7.342.696.167	859.643.862		3.951.882.908		13.382.041.520
6. Tài sản bộ phận	298.896.176.689	26.038.172.360	68.445.245.171				393.379.594.220
7. Tài sản không phân bổ							116.537.679.150
<b>Tổng tài sản</b>							<b>509.917.273.370</b>
8. Nợ phải trả bộ phận	30.648.485.626	1.026.356.347	18.341.191.110				50.016.033.083
9. Nợ phải trả không phân bổ							320.405.541.673
<b>Tổng nợ phải trả</b>							<b>370.421.574.756</b>

**2. Báo cáo bộ phận thứ yếu - Theo khu vực địa lý**

Chỉ tiêu	6 tháng năm 2015		Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	Miền Bắc	Miền Nam	
1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.123.000.000	385.193.678.837	387.316.678.837
2. Tài sản bộ phận	2.049.512.578	507.867.760.792	509.917.273.370
3. Tổng chi phí đã phát sinh mua tài sản cố định	626.272.727	11.896.124.931	12.522.397.658

